

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

37

NGUYỄN TRÃI



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
NGUYỄN KHẮC THUẦN
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 37: NGUYỄN TRÃI

Tái bản lần thứ 4

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nguyễn Trãi / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Nguyễn Khắc Thuần biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Huy. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

100 tr. ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.37).

1. Nguyễn Trãi, 1380-1442 — Tiểu sử. 2. Danh nhân — Việt Nam — Sách tranh. 3. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà hậu Lê, 1427-1527 — Sách tranh. 4. Việt Nam — Vua và quần thần — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Nguyễn Khắc Thuần. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Nguyễn Trãi, 1380-1442 — Biography. 2. Celebrities — Vietnam — Pictorial works. 3. Vietnam — History — Later Le dynasty, 1427-1527 — Pictorial works. 4. Vietnam -- Kings and rulers — Pictorial works.

959.7026 — dc 22

N573

LỜI GIỚI THIỆU

Sinh ra trong buổi đất nước nguy biến, giặc Minh xâm lược, tài năng cùng sự mẫn cảm với thời thế đã đưa Nguyễn Trãi đến với nghĩa quân Lam Sơn, góp công lớn đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Đất nước hòa bình, Nguyễn Trãi hăm hở với hoài bão xây dựng, tái thiết đất nước sau những ngày dài bị tàn phá nhưng những người kẻ vai sát cánh ngày xưa ấy giờ lại là rào cản cho sự đi lên của nước nhà. Các cảnh quan trường, ông lui về ở ẩn, lánh đi thế sự chán chường.

Ngờ rằng bậc danh nhân hiếm có ấy sẽ có thể vui thú điền viên nhưng có ai ngờ rằng người ấy lại phải chịu những oan khiên thảm khốc nhất trong lịch sử phong kiến nước ta. Nguyễn Trãi bị kéo vào vụ án Lệ Chi viên, bị gian thần vu tội sát vua, phải chịu án tru di tam tộc.

Đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi, tìm con cháu, sưu tầm lại thơ văn của ông và khẳng định nhân cách, tấm lòng, tâm hồn lớn của Nguyễn Trãi với câu nói nổi tiếng “Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo”.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 37 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Nguyễn Trãi”** phần lời do Nguyễn Khắc Thuần biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Huy Khôi thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 37 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nguyễn Trãi (1380-1442) là người anh hùng dân tộc, bậc danh nhân văn hóa lớn trong lịch sử nước ta. Nhưng ông cũng là người phải chịu những oan khiên thảm khốc nhất trong lịch sử chế độ phong kiến nước ta bởi những mưu đồ chính trị lúc bấy giờ.

Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan, tìm kiếm con cháu và cho sưu tầm lại thơ văn của ông.

Năm 1980, UNESCO công nhận ông là Danh nhân văn hóa thế giới và đã đưa tên tuổi ông đến với nhiều học giả trên thế giới.

Nguyễn Trãi hiệu là Úc Trai, chào đời năm Canh Thân (1380) tại kinh thành Thăng Long. Cha ông là Nguyễn Ứng Long người làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau dời về làng Nhị Khê (tức làng Ngọc Ổi cũ), huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (nay thuộc xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội). Thời trai trẻ, Nguyễn Ứng Long nổi tiếng là hay chữ nhưng vì nhà nghèo nên phải đi làm gia sư.

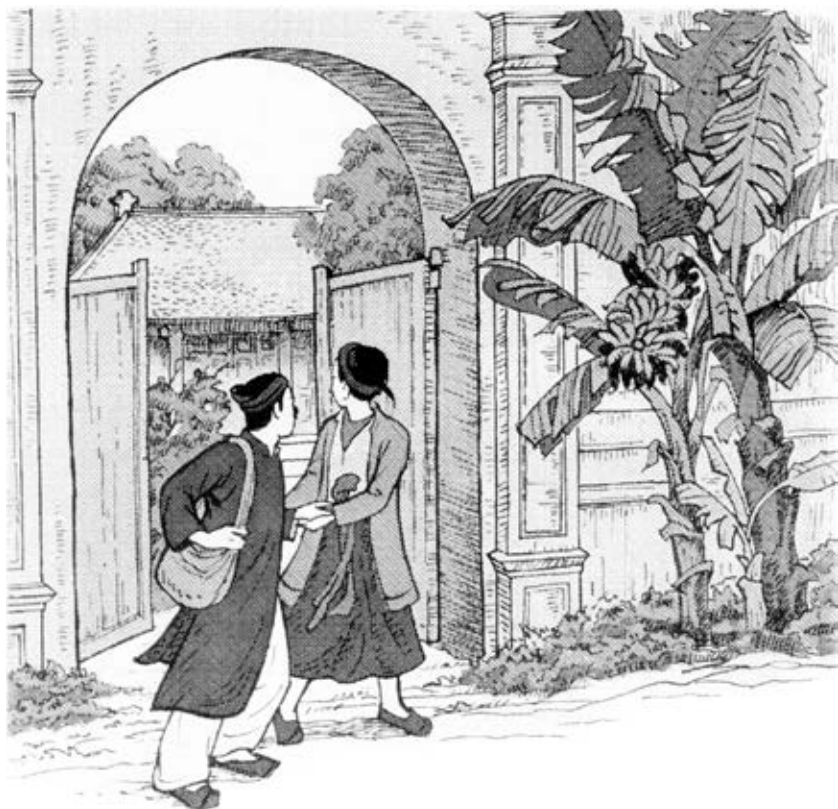


Mẹ của Nguyễn Trãi là Trần Thị Thái, con gái yêu của quan Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán (1326-1390), thuộc dòng dõi của Chiêu Minh vương Trần Quang Khải. Nhờ có công phò giúp Trần Nghệ Tông đánh kẻ tiếm ngôi là Nhật Lễ nên Trần Nguyên Đán được phong làm Tể tướng. Ông làm quan trải bốn đời vua là Trần Dụ Tông (1341-1369), Trần Nghệ Tông (1370-1372), Trần Duệ Tông (1372-1377) và Trần Phế Đế (1377-1388).





Trần Nguyên Đán còn là nhà thiên văn và lịch pháp nổi tiếng của nước ta đời Trần. Ông là tác giả của bộ *Bách thế thông khảo* và nhiều trước tác quan trọng khác. Khác với nhiều người thời đó, Trần Nguyên Đán muốn các con gái của ông cũng được học hành văn chương chữ nghĩa như con trai. Vì thế, khi nghe tin đồn về tài năng của Nguyễn Ứng Long, ông đã sai người đón về dạy cho con gái ông là Trần Thị Thái. Thầy đồ vừa trẻ vừa có tài, học trò vừa thông minh lại xinh đẹp, nên thầy trò rất tương đắc.



Chẳng bao lâu, tình yêu giữa họ nảy nở và Trần Thị Thái mang thai. Họ vô cùng lo lắng vì biết mình không chỉ làm trái những điều lễ giáo cho phép mà còn phạm vào điều cấm kỵ, bởi triều đình lúc đó không cho phép con cái nhà quý tộc kết hôn với con nhà thường dân. Trong khi đó, Trần Thị Thái lại là con nhà đại quý tộc, còn Nguyễn Ứng Long dẫu tài giỏi bao nhiêu cũng chỉ là một thầy đồ, địa vị xã hội thua kém hẳn. Sợ người yêu bị cha trừng phạt, Trần Thị Thái đã giúp Ứng Long tìm đường chạy trốn.

Không ngờ, khi biết chuyện, thấy Ứng Long là người có tài và đôi trẻ thương yêu nhau thực lòng, Trần Nguyên Đán không những không giận mà còn tác hợp cho hai người nên vợ nên chồng. Ông chỉ yêu cầu Nguyễn Ứng Long phải cố gắng học hành để đỗ đạt. Cảm động trước thái độ bao dung và tin cậy ấy, Nguyễn Ứng Long ngày đêm mài mài kinh sử, quyết đỗ đại khoa để trả nghĩa cho nhạc phụ.



Quả nhiên, khoa thi Giáp Dần (1374), Nguyễn Ứng Long đỗ Thái học sinh. Rất tiếc là lúc bấy giờ, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông cho rằng ông là con nhà thường dân mà dám cả gan lấy con gái nhà tôn thất nên không cho ông làm quan. Bởi lẽ này, Nguyễn Ứng Long bỏ về quê mình là làng Nhị Khê để mở trường dạy học. Học trò nghe tiếng ông theo về ngày một đông.





Kết duyên cùng Nguyễn Ứng Long, Trần Thị Thái đã sinh hạ tất cả năm người con trai. Nguyễn Trãi là con đầu, kế đến là Nguyễn Phi Báo, Nguyễn Phi Ly, Nguyễn Phi Bằng và Nguyễn Phi Hùng. Khi cha về dạy học ở làng Nhị Khê, Nguyễn Trãi vẫn ở lại tư dinh của ông ngoại cùng mẹ và các em của mình.

Tháng bảy năm Ất Sửu (1385), Trần Nguyên Đán xin về trí sĩ và được triều đình nhà Trần chấp thuận. Ông dọn về ở hẳn tại Côn Sơn, dựng động Thanh Hư và bia đá. Vua Trần Duệ Tông ngự bút đề tặng ba chữ *Thanh Hư động*, còn Thượng hoàng Trần Nghệ Tông thì viết bài minh khắc vào bia.





Bấy giờ, Nguyễn Trãi cùng mẹ và các em của mình cũng theo ông ngoại về Côn Sơn. Tại đây, Nguyễn Trãi bắt đầu được đi học. Và người thầy đầu tiên của ông chính là mẹ ông, bà Trần Thị Thái. Nhưng tiếc là chưa được bao lâu thì mẹ ông lâm bệnh nặng qua đời. Ông và các em phải sống dựa vào ông ngoại.

Người thầy giáo quan trọng thứ hai của Nguyễn Trãi chính là ông ngoại của ông, nhà bác học, quan Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán. Đến năm 1390, Trần Nguyên Đán qua đời. Bây giờ, Nguyễn Trãi và các em của ông mới chuyển về ở hẳn với cha tại làng Nhị Khê. Lúc này, Nguyễn Ứng Long trực tiếp dạy dỗ và kèm cặp các con mình.





Sinh ra trong một gia đình đặc biệt như vậy, lại may mắn có trí thông minh bẩm sinh, Nguyễn Trãi học hành tấn tới rất nhanh. Khoa Canh Thìn, niên hiệu Thánh Nguyên năm thứ nhất (tức là năm 1400 dưới triều Hồ), Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh^(*).

^{*} Học vị nay bắt đầu có kể từ năm 1232 và từ năm 1442 thì đổi, gọi là Tiến sĩ.

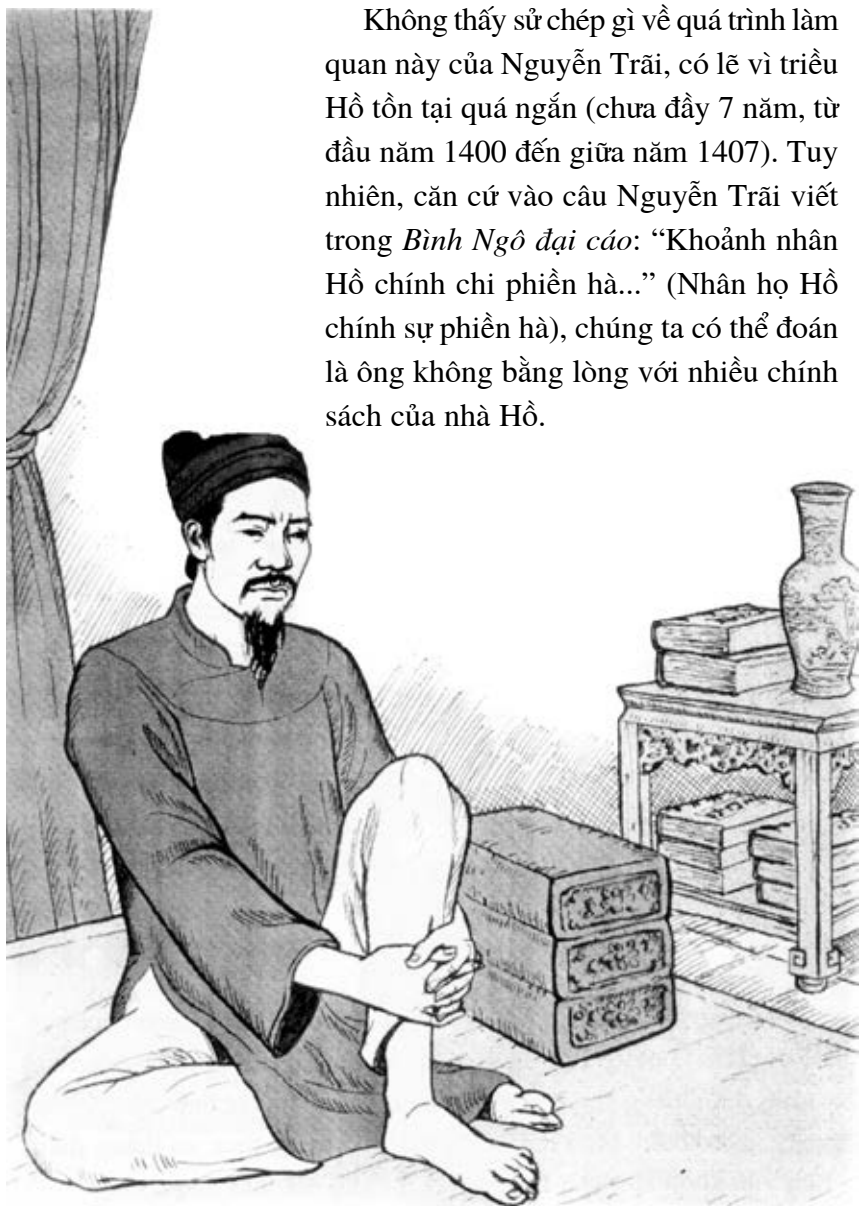
Nguyễn Trãi cùng với cha là Nguyễn Ứng Long (lúc này đã đổi tên là Nguyễn Phi Khanh) cùng ra làm quan cho nhà Hồ. Nguyễn Phi Khanh được trao chức Hàn lâm Học sĩ kiêm Quốc Tử Giám Tu nghiệp và được phong hàm Đại lý Tự khanh. Đó là những chức hàm quan trọng dành cho hàng quan văn xuất thân từ khoa bảng. Lần đầu tiên sau 26 năm đỗ đạt, Nguyễn Phi Khanh mới được trao quan chức.





Nguyễn Trãi cũng được trao chức Ngự sử đài Chánh chưởng. Với chức vị này, Nguyễn Trãi có nhiệm vụ can gián bá quan và triều đình, thậm chí can gián cả nhà vua khi xét thấy cần. Chức này, nếu không phải là bậc đại trí, vừa trung thực và thẳng thắn lại vừa khôn khéo và kiên quyết thì khó mà làm được.

Không thấy sử chép gì về quá trình làm quan này của Nguyễn Trãi, có lẽ vì triều Hồ tồn tại quá ngắn (chưa đầy 7 năm, từ đầu năm 1400 đến giữa năm 1407). Tuy nhiên, căn cứ vào câu Nguyễn Trãi viết trong *Bình Ngô đại cáo*: “Khoảnh nhân Hồ chính chi phiên hà...” (Nhân họ Hồ chính sự phiên hà), chúng ta có thể đoán là ông không bằng lòng với nhiều chính sách của nhà Hồ.



Cuối năm 1406, nhà Minh mượn danh nghĩa phù Trần diệt Hồ để xua quân xâm lược nước ta. Sau sáu tháng cầm cự một cách lúng túng và kém hiệu quả, toàn bộ lực lượng kháng chiến do nhà Hồ lãnh đạo đã bị tan rã. Tháng 5 năm Đinh Hợi (tức tháng 6 năm 1407), hầu hết vua quan nhà Hồ, từ Thượng hoàng Hồ Quý Ly, vua Hồ Hán Thương đến tổng chỉ huy quân đội là Hồ Nguyên Trừng cùng đông đảo văn thần và võ tướng đều bị bắt và bị giải sang Trung Quốc.



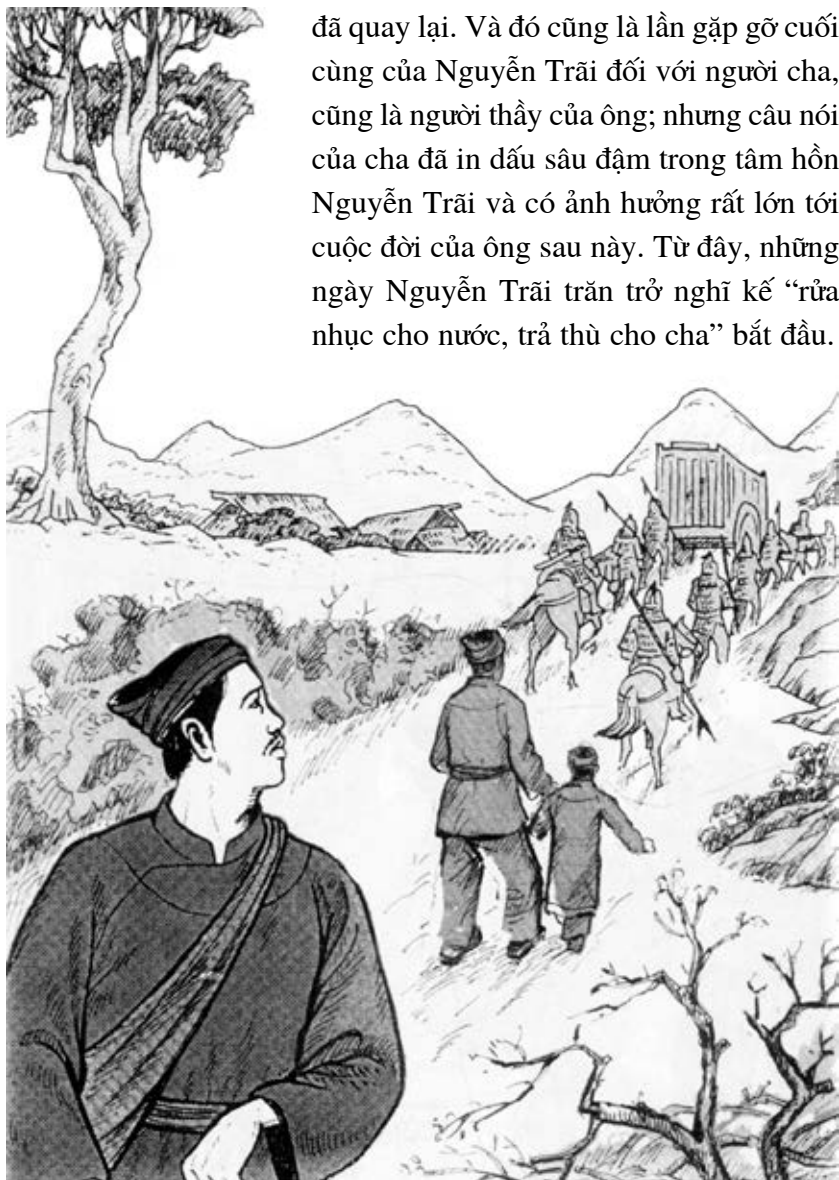
Bấy giờ, thân phụ của Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cũng ở trong số đó, nhưng không rõ vì sao Nguyễn Trãi lại không bị chúng bắt ngay. Một số thư tịch cổ cho biết rằng được tin ấy, Nguyễn Trãi cùng các em bám theo xe tù, tìm cách đi theo sang Trung Quốc để mong được phụng dưỡng cha già.

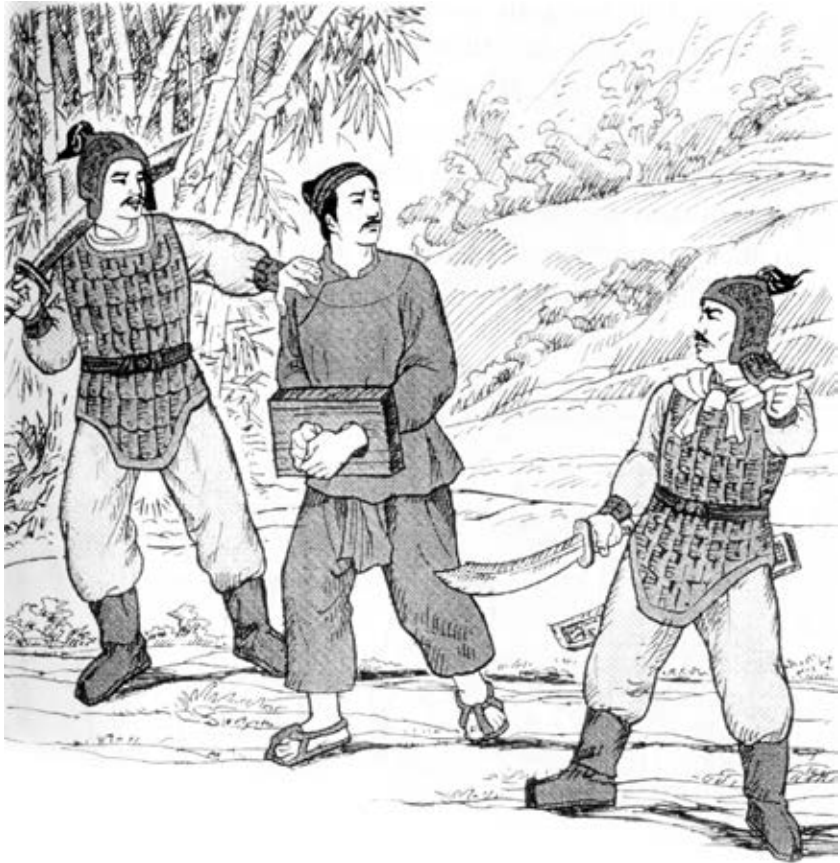


Tối ải Nam Quan, nhân lúc lính áp giải nghỉ ngơi, Nguyễn Trãi cùng các em đến tận xe tù nói rõ ước nguyện của mình với cha. Nguyễn Phi Khanh nghiêm mặt nói: “*Nay là lúc nước mất nhà tan, đạo làm tôi phải lấy việc rửa nhục cho nước làm trung, đạo làm con phải lấy việc trả thù cho cha làm hiếu, có đâu lại cứ đi theo mà khóc như đàn bà con gái thì mới là hiếu là trung!*”.



Nhận ra những ý nghĩa rất sâu sắc hàm chứa trong câu nói của cha, Nguyễn Trãi đã quay lại. Và đó cũng là lần gặp gỡ cuối cùng của Nguyễn Trãi đối với người cha, cũng là người thầy của ông; nhưng câu nói của cha đã in dấu sâu đậm trong tâm hồn Nguyễn Trãi và có ảnh hưởng rất lớn tới cuộc đời của ông sau này. Từ đây, những ngày Nguyễn Trãi trần trở nghĩ kế “rửa nhục cho nước, trả thù cho cha” bắt đầu.





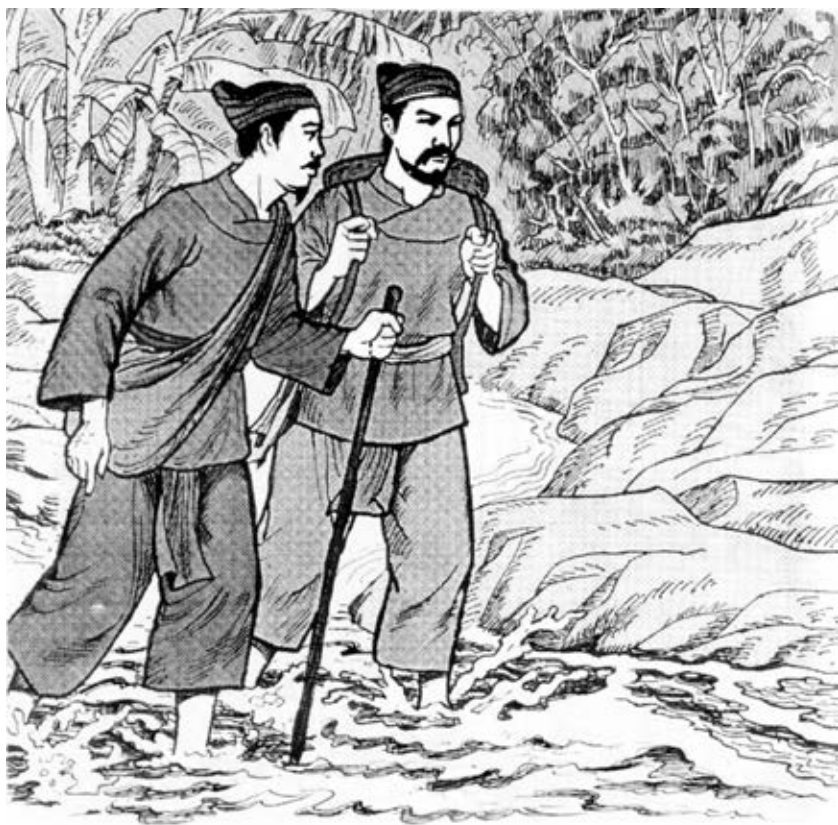
Nhưng trên đường quay trở lại, Nguyễn Trãi không may bị giặc phát hiện và bắt đem về Đông Quan. Tướng tổng chỉ huy quân Minh lúc đó là Trương Phụ biết Nguyễn Trãi là một trí thức tài ba nên đã dùng đủ mọi cách để dụ dỗ, mua chuộc, hy vọng ông sẽ cộng tác với chúng. Nhưng trước sau Nguyễn Trãi vẫn một mực chối từ.

Trương Phụ tức giận sai quân đem Nguyễn Trãi đi chém đầu. Nhưng ngay lúc ấy, quan Thượng thư của giặc là Hoàng Phúc liền ngăn lại. Hắn cho rằng dù dẫu một người như Nguyễn Trãi thì không thể ngày một ngày hai được. Vì thế, Trương Phụ không chém Nguyễn Trãi, nhưng đem ông giam lỏng trong một ngôi nhà nhỏ trong thành Đông Quan.





Kẻ thù rất gian ngoan nhưng chúng đã lầm. Nơi bị giam lỏng cũng là nơi Nguyễn Trãi ngày đêm suy tính kế sách cứu nước cứu nhà. Ông tìm cách liên lạc với phong trào khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược đang bùng nổ dữ dội ở khắp nơi. Và cuối cùng, ông quyết định cùng với người anh em họ là Trần Nguyên Hãn, bí mật trốn khỏi Đông Quan, tìm vào Lam Sơn với Lê Lợi.



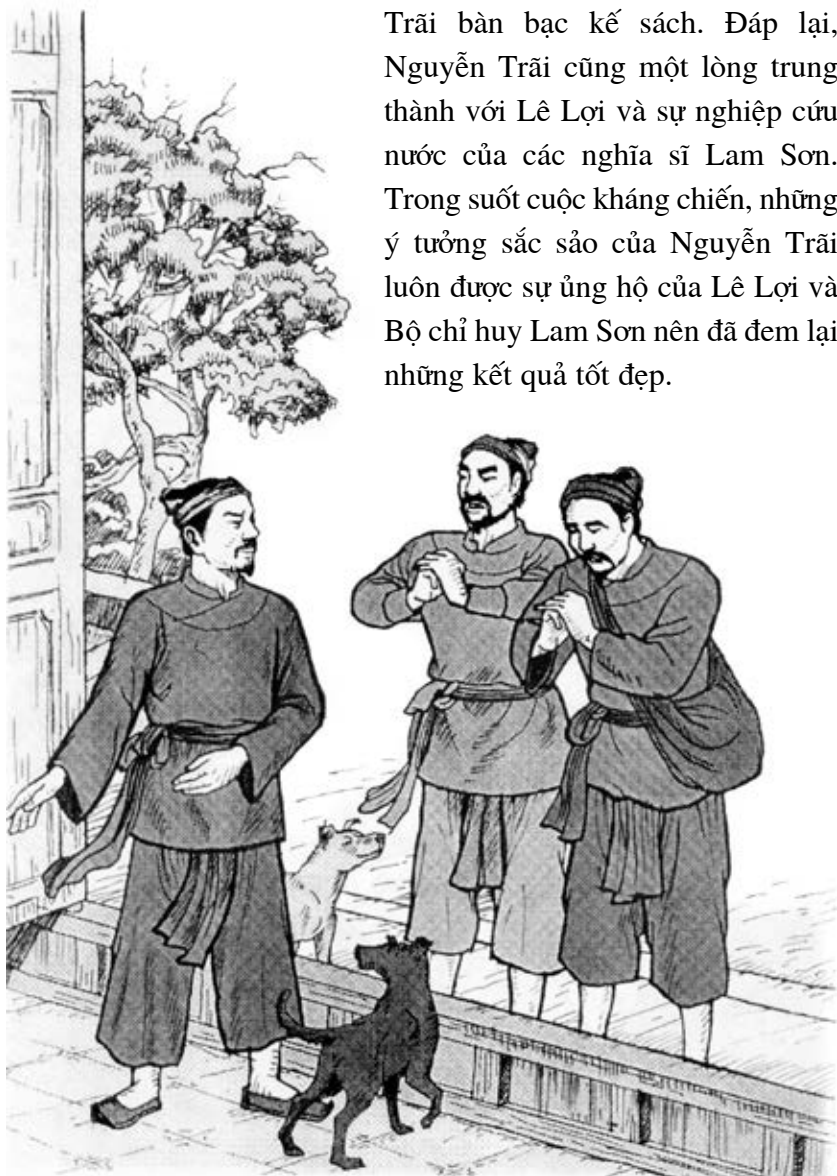
Sử sách cũ không nói rõ Nguyễn Trãi đã thoát khỏi Đông Quan bằng cách nào và vào thời điểm cụ thể nào. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, Nguyễn Trãi đã có mặt ở Lam Sơn trước năm 1416, tức là trước khi Lê Lợi tổ chức hội thề Lũng Nhai. Đến với Lê Lợi và các nghĩa sĩ Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã mang theo một công trình rất có giá trị, đó là cuốn *Bình Ngô sách* tổng kết tất cả những sách lược đánh giặc Ngô mà có lẽ ông đã suy ngẫm suốt những năm bị giam lỏng ở kinh thành.

Trải qua bao phen binh lửa, *Bình Ngô sách* nay không còn nữa, nhưng nhiều thư tịch cổ của các bậc tiền bối đã viết những lời rất trang trọng về tác phẩm hết sức đặc biệt này. Có thể nói, *Bình Ngô sách* đã đặt nền tảng tư tưởng cho toàn bộ quá trình hình thành, phát triển và thắng lợi vẻ vang của phong trào Lam Sơn. Ngay từ đầu, *Bình Ngô sách* đã góp phần định hướng rõ rệt cho Lam Sơn là phải từ cuộc khởi nghĩa vũ trang phát triển thành chiến tranh giải phóng trên quy mô cả nước.



Cuộc gặp gỡ giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi quả đúng là anh hùng tương ngộ. Từ đó, Lê Lợi luôn cùng Nguyễn

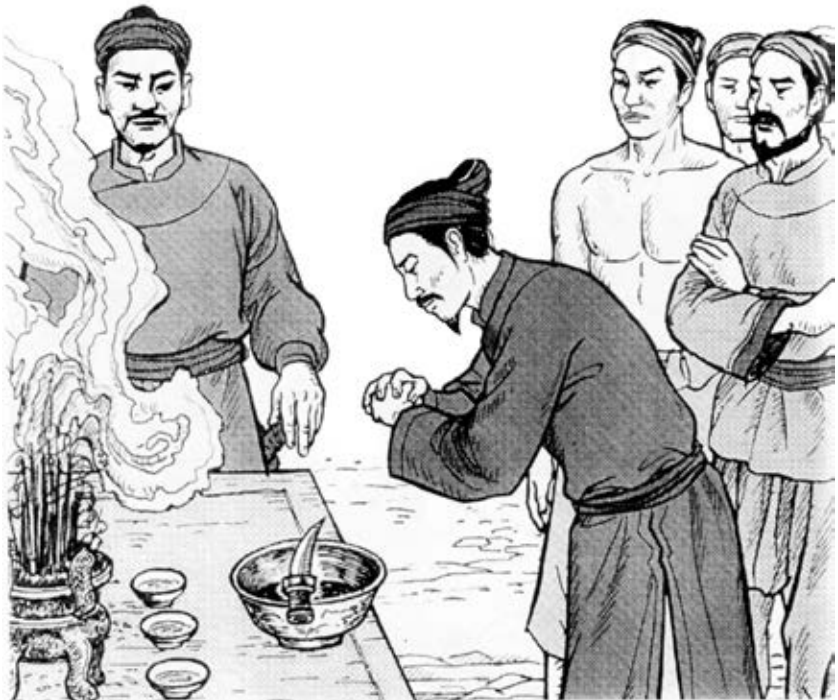
Trãi bàn bạc kế sách. Đáp lại, Nguyễn Trãi cũng một lòng trung thành với Lê Lợi và sự nghiệp cứu nước của các nghĩa sĩ Lam Sơn. Trong suốt cuộc kháng chiến, những ý tưởng sắc sảo của Nguyễn Trãi luôn được sự ủng hộ của Lê Lợi và Bộ chỉ huy Lam Sơn nên đã đem lại những kết quả tốt đẹp.



Ngày 12 tháng 2 năm Bính Thân (1416), Lê Lợi long trọng tổ chức hội thề Lũng Nhai. Về thực chất, đây chính là buổi lễ ra mắt dưới một dạng thức đặc biệt của Bộ chỉ huy Lam Sơn. Nguyễn Trãi tham dự và trở thành mưu sĩ số một của Lê Lợi. Từ đây, với cương vị mới mẻ này, Nguyễn Trãi đã dốc hết tâm lực vào cuộc khởi nghĩa.



Trong suốt quá trình tham gia khởi nghĩa, Nguyễn Trãi là người có công khai sinh ra một loạt những tư tưởng chiến lược lớn của Lam Sơn, đồng thời cũng là người trực tiếp chỉ huy thực hiện xuất sắc tất cả các tư tưởng chiến lược ấy. Ở một chừng mực nhất định nào đó, chúng ta có thể nói, Nguyễn Trãi chính là linh hồn của nghĩa quân Lam Sơn.





Vốn là người có tấm lòng nhân ái, bao dung, lại từng sống gần gũi trong dân chúng, Nguyễn Trãi hiểu được nỗi thống khổ của dân dưới ách giặc Minh. Vì vậy, ông chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ cứu nước với nhiệm vụ cứu dân. Đây là điều mà trước ông, chưa có lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa nào nhận thức được. Nguyên nhân sâu sa dẫn đến thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh trước Lam Sơn chính là ở đây.

Nhưng mặt khác, Nguyễn Trãi lại thấy được sức mạnh to lớn của dân nên ông chủ trương tấn công quyết liệt vào lòng người. Đây là cuộc tấn công vừa nhằm tập hợp và động viên cao độ sức mạnh cũng như trí tuệ của toàn dân, vừa nhằm phân hóa và cô lập kẻ thù một cách sâu sắc. Chính nhờ đó, nghĩa quân Lam Sơn đã vượt qua được những ngày tháng gian khổ nhất để giành thắng lợi.



Không chỉ có những tư tưởng lớn vượt lên trên thời đại của mình, Nguyễn Trãi còn có những tài năng đặc biệt về quân sự. Ngoài việc vạch đường đi nước bước cho nghĩa quân trong *Bình Ngô sách*; khi lâm trận, ông đã chủ động, linh hoạt tấn công giặc đồng loạt trên nhiều mặt trận: vũ trang, binh vận, ngoại giao... Chính cuộc tấn công liên tục và đồng loạt này đã khiến giặc Minh bị động đối phó một cách lúng túng để rồi cuối cùng phải đành cam chịu thất bại.

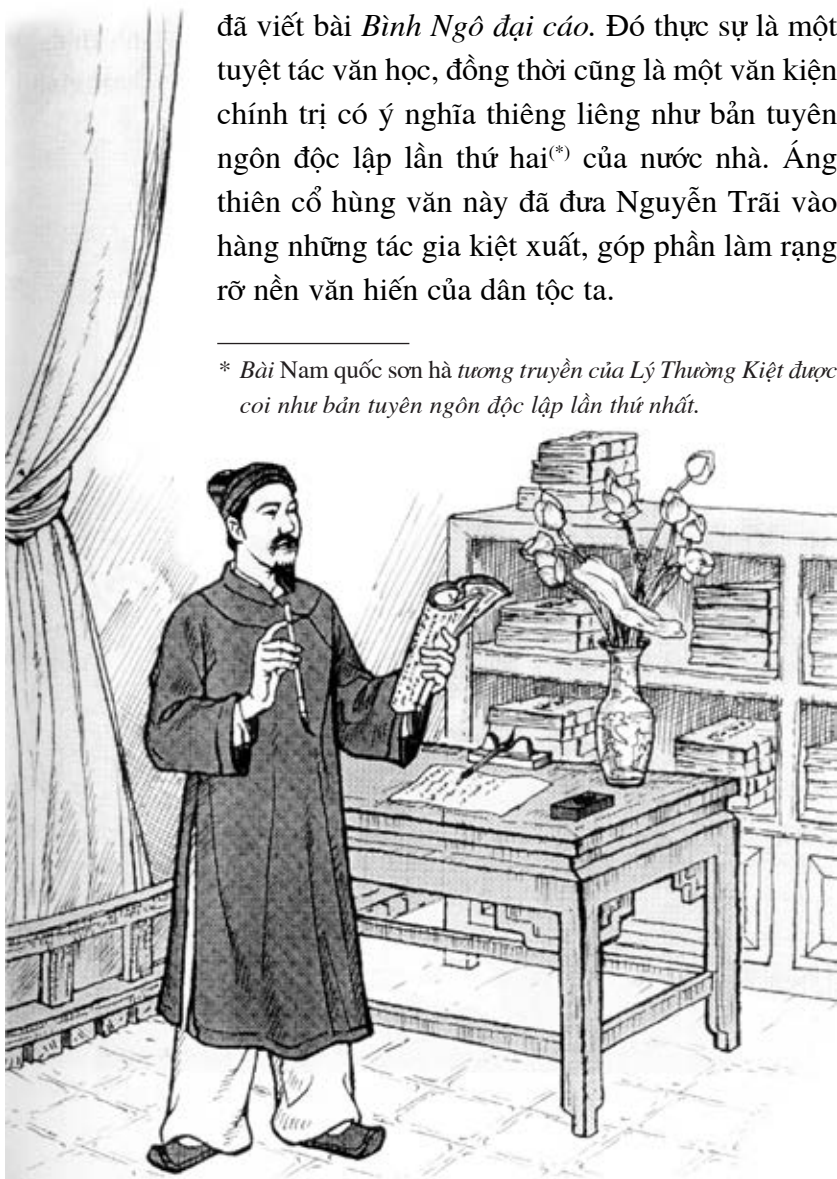




Góp sức chủ yếu vào cuộc đấu tranh binh vận và ngoại giao là tiếng nói và ngòi bút tuyệt vời của Nguyễn Trãi, nó có sức mạnh chẳng kém gì “cả chục vạn quân thiện chiến”. Hàng chục thành trì kiên cố của giặc, kể cả sào huyệt nguy hiểm cuối cùng của chúng là thành Đông Quan, cũng đều hạ vũ khí đầu hàng bởi cuộc tấn công bằng ngòi bút và tiếng nói của ông. Có thể nói, trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta, chưa có cuộc kháng chiến nào kẻ thù lại nhận được nhiều thư từ với những lời lẽ ôn hòa nhưng kiên quyết khiến chúng luôn phải lo lắng sợ hãi như khởi nghĩa Lam Sơn.

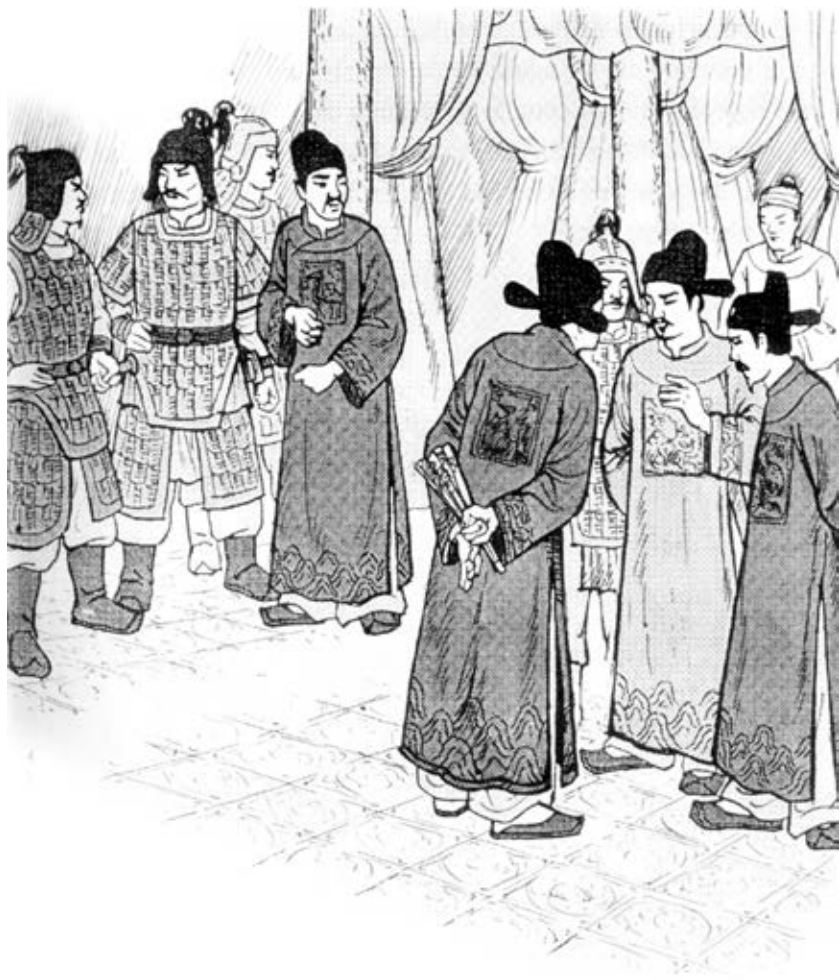
Ngay sau ngày toàn thắng, được sự ủy thác của Lê Lợi và Bộ chỉ huy Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã viết bài *Bình Ngô đại cáo*. Đó thực sự là một tuyệt tác văn học, đồng thời cũng là một văn kiện chính trị có ý nghĩa thiêng liêng như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai^(*) của nước nhà. Áng thiên cổ hùng văn này đã đưa Nguyễn Trãi vào hàng những tác gia kiệt xuất, góp phần làm rạng rỡ nền văn hiến của dân tộc ta.

** Bài Nam quốc sơn hà tương truyền của Lý Thường Kiệt được coi như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất.*



Nhờ liên tục có những cống hiến to lớn như thế, sau khi đánh đuổi được quân Minh và giải phóng đất nước, khi Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế và định công ban thưởng cho bá quan văn võ, Nguyễn Trãi được mang quốc tính là họ Lê, tước Á hầu, chức Hành khiển, quyền đứng đầu ban văn. Ông là một trong số 93 người được vinh dự khắc tên vào biển Khai Quốc Công Thần của triều Lê.





Ngay khi vừa được dựng lên, nhà Lê đã ra sức tiến hành một loạt những biện pháp tích cực và tiến bộ, nhằm nhanh chóng đưa đất nước đi lên. Nhưng cũng từ đó, một số văn thần và võ tướng cậy có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến trước đây, đã không ngừng kiếm kế vun vén cho bản thân. Nghĩa tình những ngày đồng cam chịu khổ và chia ngọt xẻ bùi khi xưa, dần dần bị phai nhạt.

Sự lộng hành của bọn xu nịnh, sự giảo hoạt của bọn cơ hội và sự tự mãn của những người vừa được trao chức tước lớn... khiến cho Nguyễn Trãi vô cùng lo âu. Những cái chết oan ức của Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo và Lưu Nhân Chú(*)... khiến cho ông xót xa, đau đớn. Và đúng lúc ấy, đến lượt Nguyễn Trãi cũng bị gièm pha, khích bác.

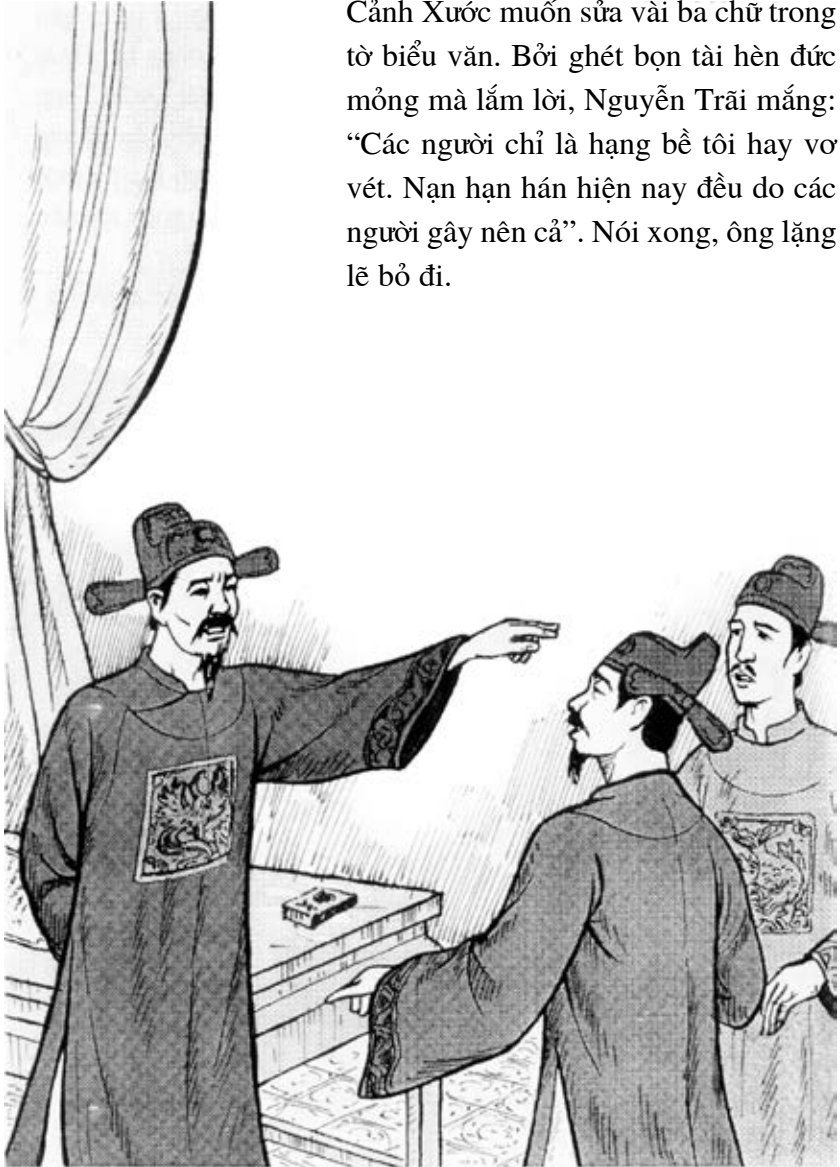
* Xem tập Sáng lập triều Lê.



Rắc rối lớn đầu tiên của Nguyễn Trãi là sự kiện xảy ra vào tháng 5 năm Giáp Dần (1434), sau khi Lê Thái Tổ băng hà. Hôm ấy, triều đình quyết định cử Nguyễn Tông Trự, Thái Quân Thục và Đái Lương Bật đi sứ sang Trung Quốc, dâng biểu cầu phong cho vua mới là Lê Nguyên Long (tức Lê Thái Tông, lúc ấy mới 11 tuổi). Nguyễn Trãi là người được triều đình giao soạn tờ biểu văn này.



Bấy giờ quan giữ chức Nội mật viện là Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ là Lê Cảnh Xước muốn sửa vài ba chữ trong tờ biểu văn. Bởi ghét bọn tài hèn đức mỏng mà lắm lời, Nguyễn Trãi mắng: “Các người chỉ là hạng bè tôi hay vơ vét. Nạn hạn hán hiện nay đều do các người gây nên cả”. Nói xong, ông lạng lẽ bỏ đi.





Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước tức tối liền đến xúc xiểm mọi chuyện với Đại Tư đồ Lê Sát và Đô đốc Phạm Vấn. Phạm Vấn tức lắm, trách Nguyễn Trãi rằng: “Thiên tai nào phải do bọn ấy gây ra, lỗi là ở vua và Tể tướng. Sao ông nỡ nói nặng lời thế?”. Nguyễn Trãi buộc phải nói toàn bộ sự thật về sự tham lam của hai tên này.



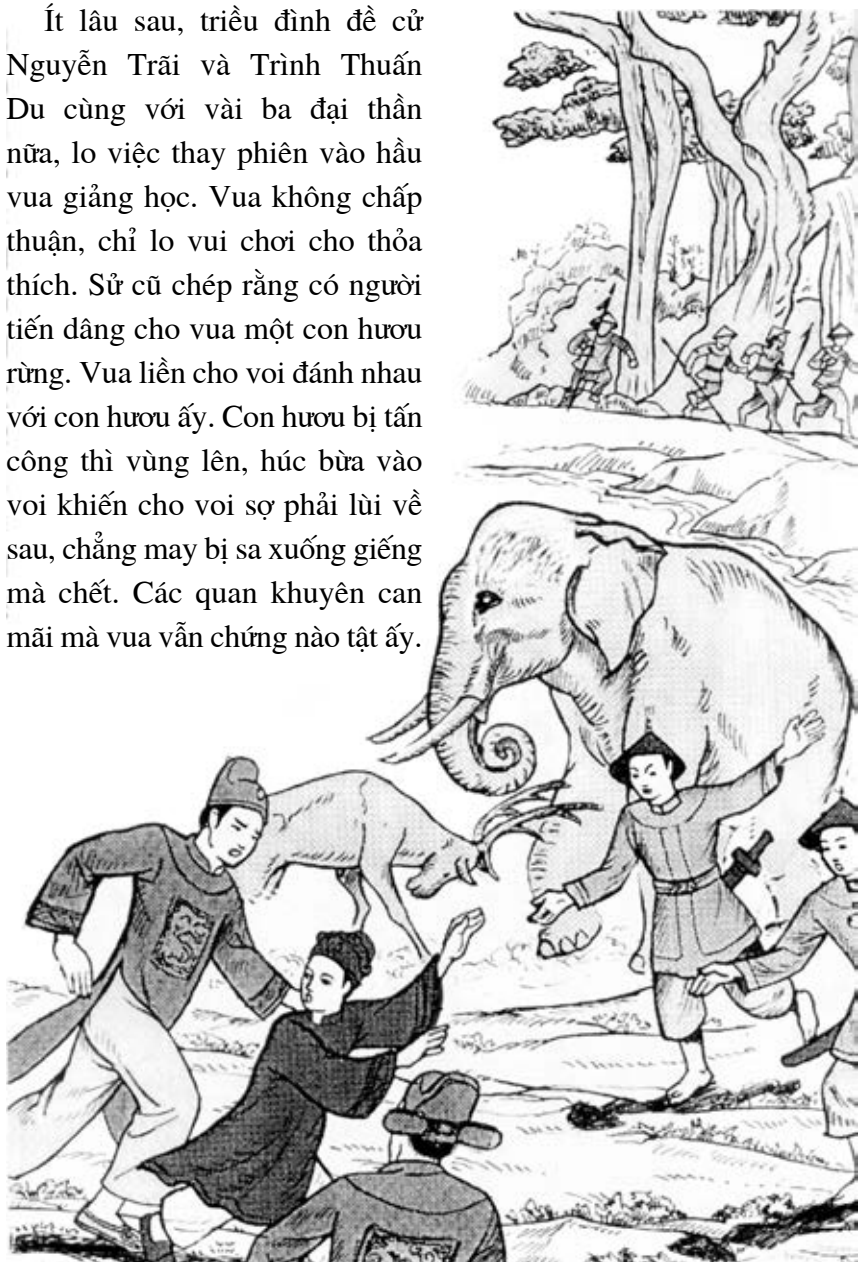
Sự kiện thứ hai xảy ra vào tháng 3 năm Ất Mão (1435). Bấy giờ có 7 tên trộm tái phạm tội, nhưng tất cả đều còn rất trẻ tuổi. Triều đình bàn là nên xử chém. Quan Đại Tư đồ Lê Sát bèn tâu vua. Vua chưa biết giải quyết ra sao nên hỏi ý Nguyễn Trãi. Biết vua còn nhỏ tuổi, muốn nhân việc này khuyên vua tránh xa những điều bạo ngược đang là mầm mống gây mọi xáo trộn trong nước, ông nói: “Đấng minh quân xử việc bao giờ cũng bắt đầu và kết thúc ở chí nhân và đại nghĩa”.

Nghe lời ấy của Nguyễn Trãi, Lê Sát vốn từng bỏ thuốc độc giết người không cùng phe cánh^(*) nên chạnh lòng, bảo: “Ông có nhân nghĩa ắt có thể cảm hóa được kẻ ác thành người thiện. Vậy xin giao chúng cho ông và phiền ông cảm hóa cho”. Nguyễn Trãi biết ý từ chối: “Chúng đều là hạng trẻ con rất ranh mãnh. Pháp luật của triều đình còn không trị được, huống hồ bọn đực mông như chúng tôi cảm hóa thế nào”. Sau, triều đình quyết định chém hai tên, còn thì bắt đi đày. Nhưng từ đó Lê Sát đối với Nguyễn Trãi không còn như trước.

* Xem tập Sáng lập triều Lê.



Ít lâu sau, triều đình đề cử Nguyễn Trãi và Trình Thuấn Du cùng với vài ba đại thần nữa, lo việc thay phiên vào hầu vua giảng học. Vua không chấp thuận, chỉ lo vui chơi cho thỏa thích. Sử cũ chép rằng có người tiến dâng cho vua một con hươu rừng. Vua liền cho voi đánh nhau với con hươu ấy. Con hươu bị tấn công thì vùng lên, húc bừa vào voi khiến cho voi sợ phải lùi về sau, chẳng may bị sa xuống giếng mà chết. Các quan khuyên can mãi mà vua vẫn chứng nào tật ấy.



Sự hoang chơi của nhà vua nhỏ tuổi đã tạo cơ hội cho bọn tham quan ô lại mặc sức tìm cách đục khoét dân lành. Những dấu hiệu của sự tha hóa ấy đã khiến cho Nguyễn Trãi càng ngày càng chán nản. Ông cảm thấy mình xa lạ giữa những người thân thiết cũ và thực sự lo lắng cho cơ đồ của nhà Lê.



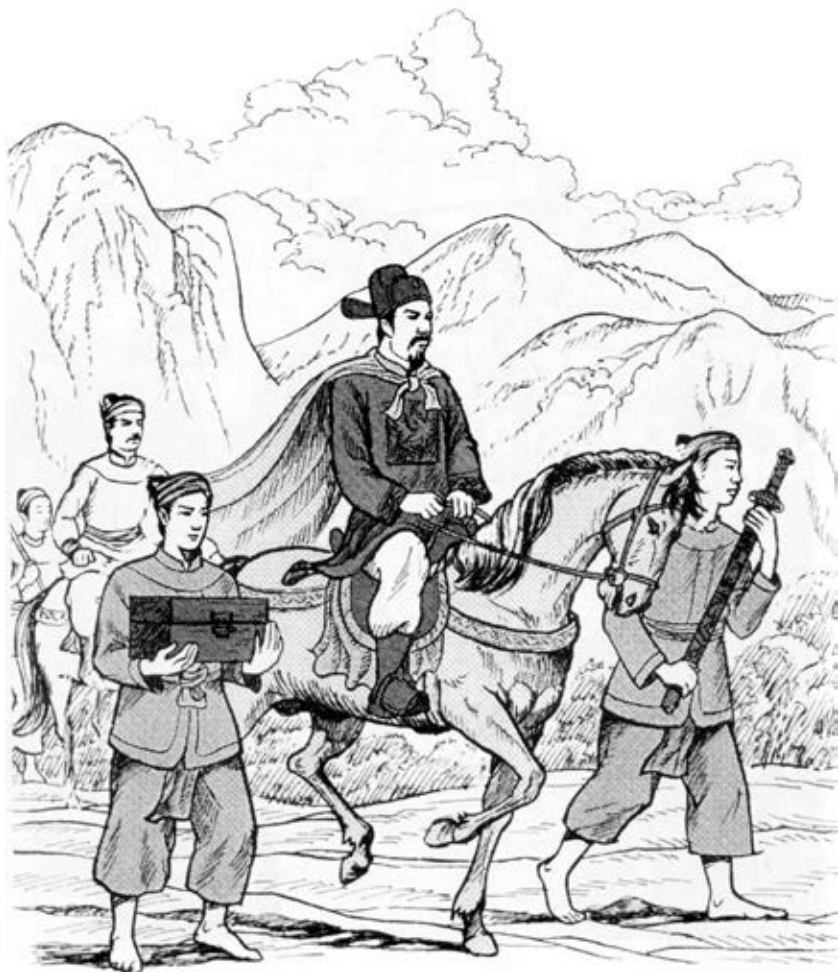
Giữa lúc đó, vào năm 1437, lại có một việc xảy ra. Bấy giờ Nguyễn Trãi được lệnh cùng với viên hoạn quan lo việc soạn nhã nhạc cho triều đình. Sau khi vẽ xong mẫu của chiếc khánh đá, Nguyễn Trãi dâng sớ tâu vua, đại ý nói rằng: Thái bình là gốc của nhạc, nếu bề hạ thương dân thì đó đã là xây gốc vững cho nhạc.



Thái giám Lương Đăng cũng dâng lời tâu lên vua, nhưng lời lẽ của y xun xoe nịnh bợ, trái ngược hẳn với lời tâu của Nguyễn Trãi. Rất tiếc là nhà vua trẻ tuổi chưa đủ sức để thẩm định đúng sai, hay dở nên đã ưng theo lời tâu của Lương Đăng, bất chấp những lời khuyên can của rất đông quan lại đương thời.



Từ khoảng năm 1439 trở đi, khi Lê Thái Tông đã đến tuổi trưởng thành, bắt đầu có khả năng điều hành công việc của triều đình và có ý thức chinh đốn kỉ cương phép nước, Nguyễn Trãi mới được sống những ngày tương đối thanh thoi. Ông được phép về ở tại Côn Sơn, điều hành quân dân hai đạo Đông Bắc, chỉ thỉnh thoảng mới về triều bàn việc.





Khi về Côn Sơn, Nguyễn Trãi đem theo cả người thiếp yêu là Nguyễn Thị Lộ. Tương truyền, nàng vốn là cô gái thường ngày kiếm sống bằng nghề bán chiếu bên hồ Đàm Đàm (tức hồ Tây ngày nay) tại kinh thành. Nghe đồn nàng là người giỏi văn chương chữ nghĩa, một lần, Nguyễn Trãi dừng chân hỏi:

*Ở ở đâu ta bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh chừng độ bao nhiêu nhĩ,
Đã có chồng chưa, được mấy con?*



Nghe những câu hỏi thăm thông thường xuất ra thành những vần thơ đầy tình ý mà không khiếm nhã ấy, Nguyễn Thị Lộ mỉm cười. Không cần phải nghĩ ngợi lâu, nàng cũng buông lời đáp lại:

*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Có chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh tuổi mới trăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, nói chi con?*



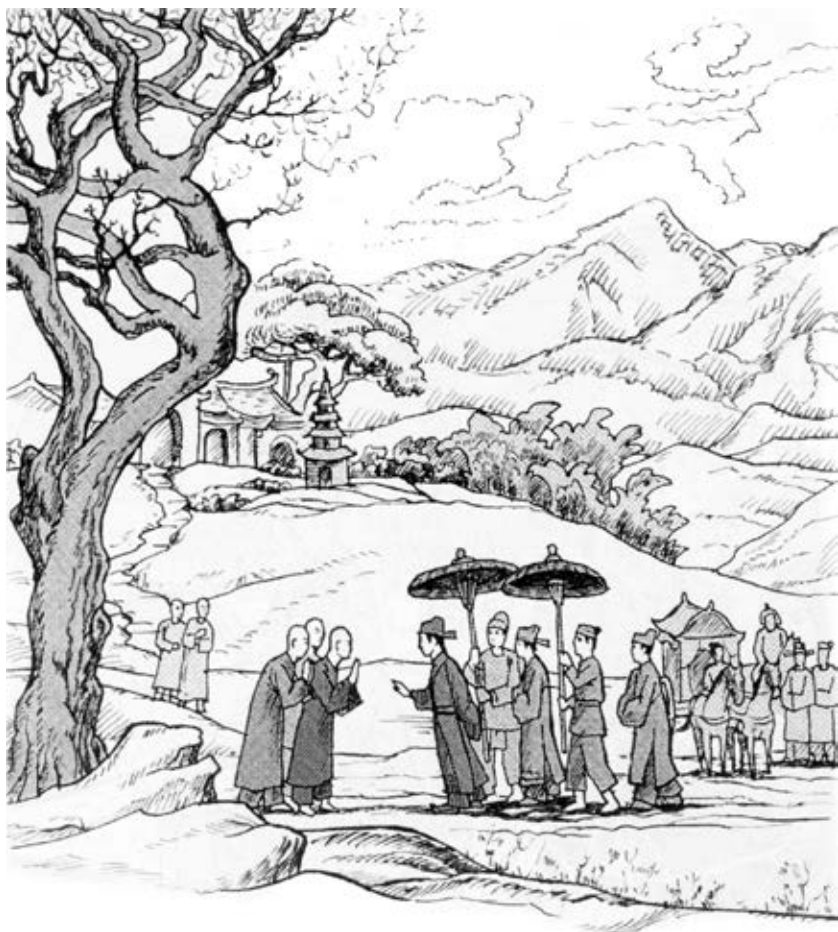
Nghe xong, Nguyễn Trãi rất kinh ngạc trước tài năng của cô hàng chiếu. Từ đấy hai người quen nhau, kính trọng tài năng của nhau và ngày càng tâm đắc. Sau nhiều lần gặp gỡ, Nguyễn Trãi ngỏ lời và Thị Lộ trở thành một trong những người thiếp của ông. Vậy là từ duyên ngâm vịnh xướng họa, họ đã kết duyên cầm sắt. Có thể nói, đó là mối tình rất đặc biệt của thời Lê sơ.



Từ khi trở thành thiếp yêu của Nguyễn Trãi, tiếng đồn về tài văn chương của Nguyễn Thị Lộ ngày một vang xa, ngay cả nhà vua cũng biết đến. Sau vài lần cho vào cung châu hầu để thử tài, vua Lê Thái Tông đã phong cho nàng chức Lễ nghi Nữ Học sĩ, chuyên lo việc giảng học cho cung nữ trong triều.

Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442), vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở thành Chí Linh (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), thuộc Đông đạo. Lúc ấy đất nước đang hồi thái bình, nhà vua thì đang tuổi thanh xuân sung sức cho nên không ai nghĩ rằng đó là chuyến đi cuối cùng của ngài. Tiếc thay sự thực lại như vậy.





Đây cũng là đạo do Nguyễn Trãi cai quản nên ông phải lo tiếp rước nhà vua thật chu đáo. Nguyễn Trãi mời vua về ngự ở chùa Côn Sơn. Chùa này tọa lạc trong làng của Nguyễn Trãi, vốn có tên là chùa Tư Quốc do thiền sư đời Trần là Pháp Loa dựng lên. Vua ưng thuận.

Sau khi xong việc, từ Côn Sơn trở về kinh đô, nhà vua sai Nguyễn Thị Lộ cùng về theo. Dọc đường, khi qua khu trại vải, tên chữ là Lệ Chi viên thì trời sắp tối, nhà vua cùng đoàn tùy tùng và Nguyễn Thị Lộ nghỉ lại đây. Bất ngờ đêm ấy, nhà vua băng hà. Đó là đêm mùng 4 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442). Bấy giờ vua Lê Thái Tông mới 19 tuổi, mất sau gần 9 năm ở ngôi.



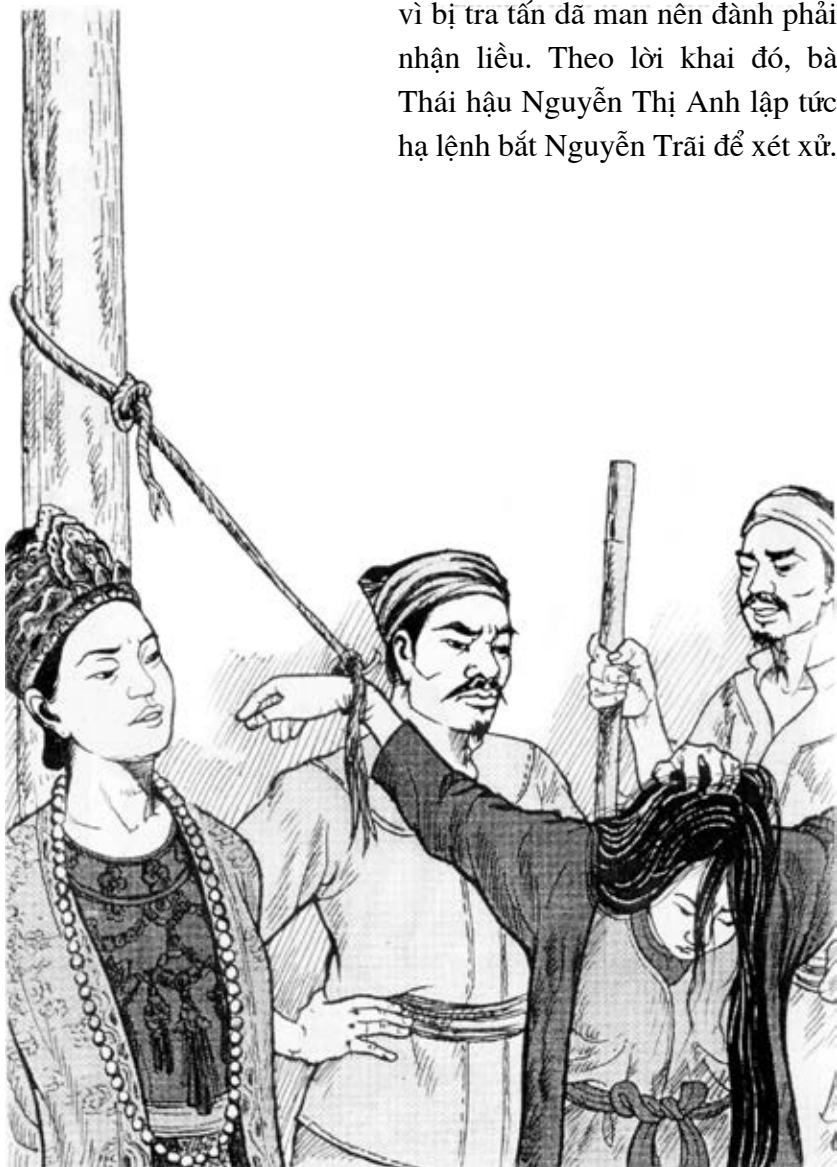


Các quan theo hầu bí mật chở linh cữu vua về kinh đô. Đêm ngày mồng 6 tháng ấy thì vào đến nội cung, bấy giờ mới bắt đầu phát tang. Sau đó, triều đình đã tôn Thái tử Lê Bang Cơ (lúc đó mới hơn 1 tuổi) lên làm vua, tức Lê Nhân Tông (1442-1459). Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh trở thành Thái hậu, có quyền nhiếp chính khi nhà vua còn nhỏ tuổi.

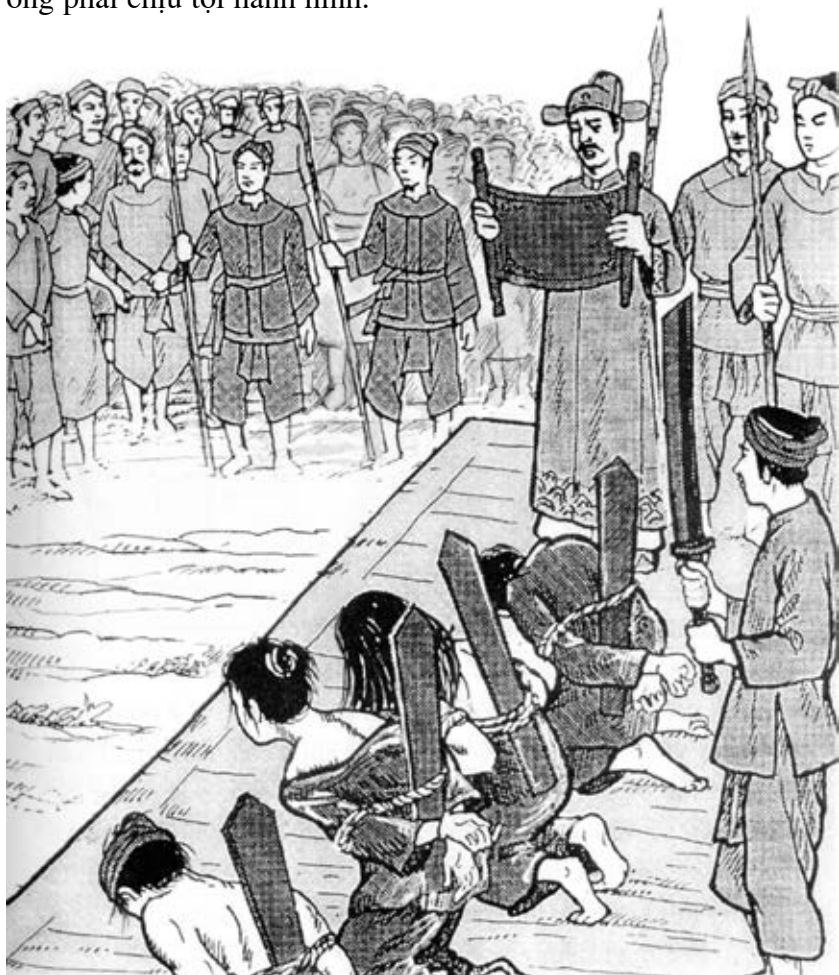
Tất cả mọi người đều cho rằng Nguyễn Thị Lộ đã giết vua. Lập tức Nguyễn Thị Lộ bị bắt và bị tra tấn bằng nhiều cực hình khác nhau. Người trực tiếp ra lệnh bắt và tra tấn Nguyễn Thị Lộ là Thái hậu Nguyễn Thị Anh. Trước sau, những người tra tấn chỉ hỏi Nguyễn Thị Lộ có mỗi một câu rằng: Có phải Nguyễn Trãi đã ngầm trao thuốc độc để nàng giết vua Lê Thái Tông hay không?



Nguyễn Thi Lộ là một người con gái xinh đẹp và tài ba, nhưng vì bị tra tấn dã man nên đành phải nhận liều. Theo lời khai đó, bà Thái hậu Nguyễn Thị Anh lập tức hạ lệnh bắt Nguyễn Trãi để xét xử.



Khi mà kẻ xấu đã quyết vu oan, người tốt thì mơ hồ vì không biết rõ thực hư thì cho dầu tài ba như Nguyễn Trãi cũng đành phải chịu oan khuất mà thôi. Ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất (tức 19 tháng 9 năm 1442), Nguyễn Trãi bị khép vào tội phải tru di tam tộc. Và đó là ngày oan nghiệt, ngày đau thương nhất của thế kỉ XV: ngày Nguyễn Trãi cùng toàn bộ gia quyến và cả ba họ của ông phải chịu tội hành hình.

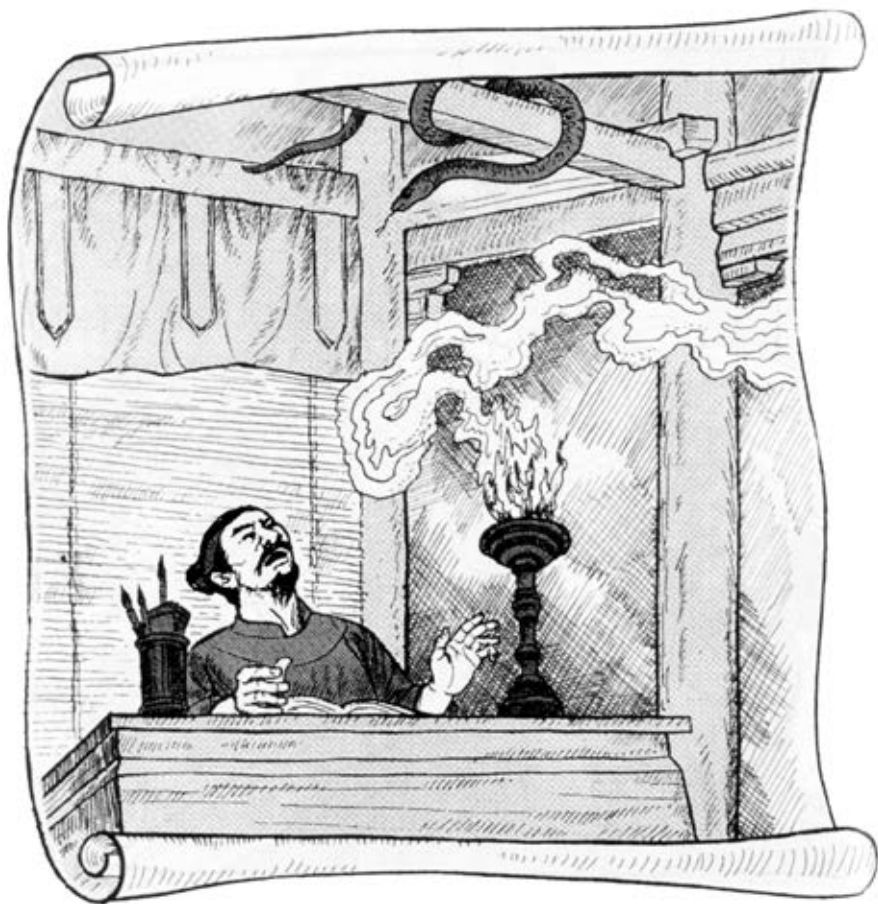




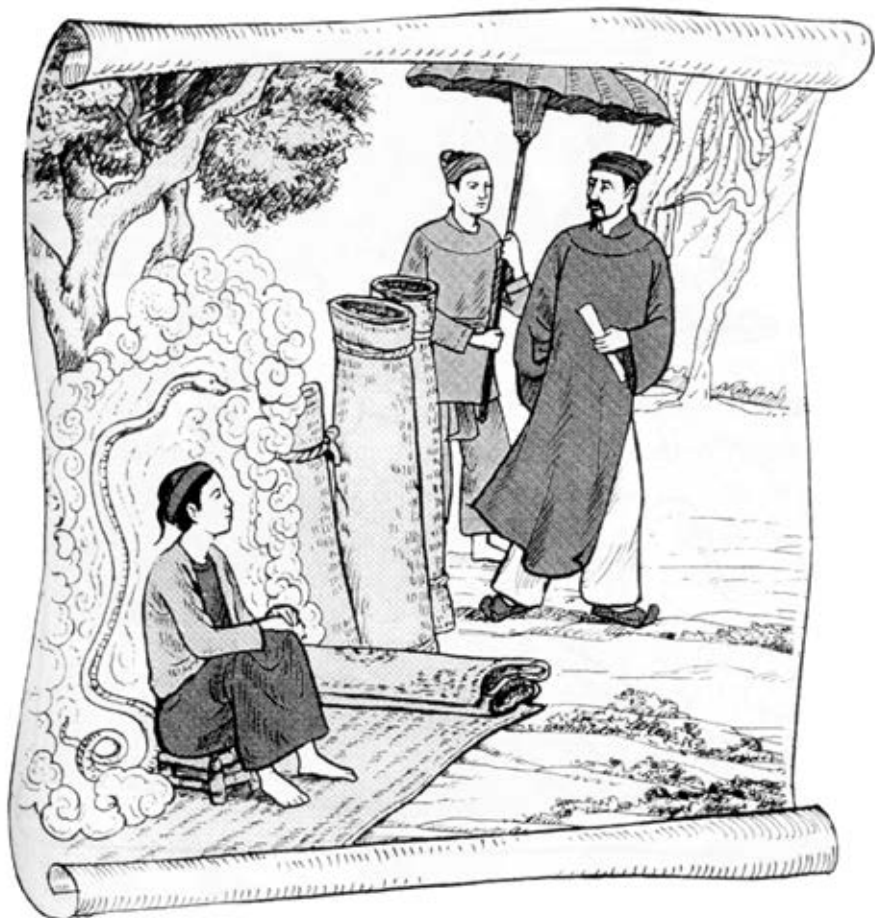
Vì sao một nhân tài có nhiều công lao như Nguyễn Trãi lại phải chết một cách thảm khốc và oan khuất như vậy? Không một ai dễ dàng chấp nhận rằng đó là sự thật chua chát của chính loài người, vì thế, người đời mới có chuyện *Rắn báo oán* rất ly kỳ, đổ hết mọi sự xấu xa cho hồn ma của loài rắn độc. Chuyện kể rằng, khi về dạy học tại làng Nhị Khê, thân phụ Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh sai học trò sớm mai phải dọn sạch cái gò nhỏ gần nhà để dựng lớp dạy học.



Tảng sáng hôm sau, ông nằm mơ thấy một người đàn bà tới xin ông thư thư cho vài ba bữa nữa để con cúng cấp một chút sẽ dọn đi nơi khác. Tỉnh dậy, ông chạy vội ra thì thấy học trò đã dọn dẹp gò đất xong xuôi. Họ kể cho ông nghe họ đã giết được một ổ rắn trong đó có một con rắn mẹ và bảy con mới nở lúc nhúc. Nguyễn Phi Khanh lấy làm ngạc nhiên nhưng rồi quên ngay chuyện đó.



Đêm hôm ấy, Nguyễn Phi Khanh đang ngồi chong đèn đọc sách thì thấy có con rắn trắng bò trên xà nhà. Từ đuôi nó nhỏ xuống một giọt máu rơi đúng chữ Đại (代, nghĩa là đời), thấm ướt đến ba trang giấy. Ông chợt hiểu và than: Hồn thiêng của nó sẽ báo oán ta đến ba đời mới chịu thôi.



Cũng theo câu chuyện này thì khi Nguyễn Trãi làm quan cho nhà Lê, con rắn hóa thành một cô gái đẹp ngồi bán chiếu trên con đường mà ông thường đi từ triều trở về. Với sắc đẹp và tài làm thơ, con rắn mê hoặc Nguyễn Trãi khiến ông phải cưới nó và chờ dịp báo thù.



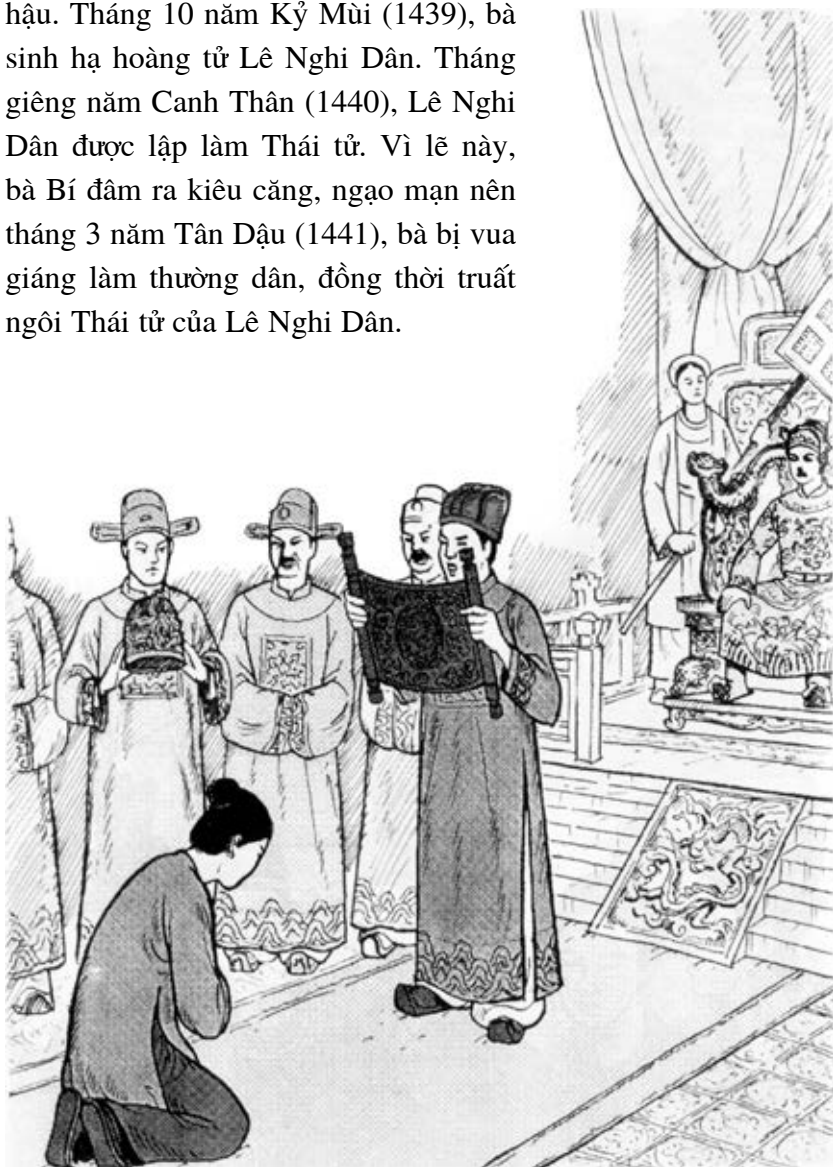
Và dịp ấy đã đến vào lúc vua Lê Thái Tông ghé nhà Nguyễn Trãi. Được dịp đi theo hầu hạ, con rắn đã mổ nhà vua chết khiến Nguyễn Trãi bị tru di ba họ. Khi Nguyễn Thị Lộ bị đem ra xử tử thì nàng biến thành con rắn bò đi mất...



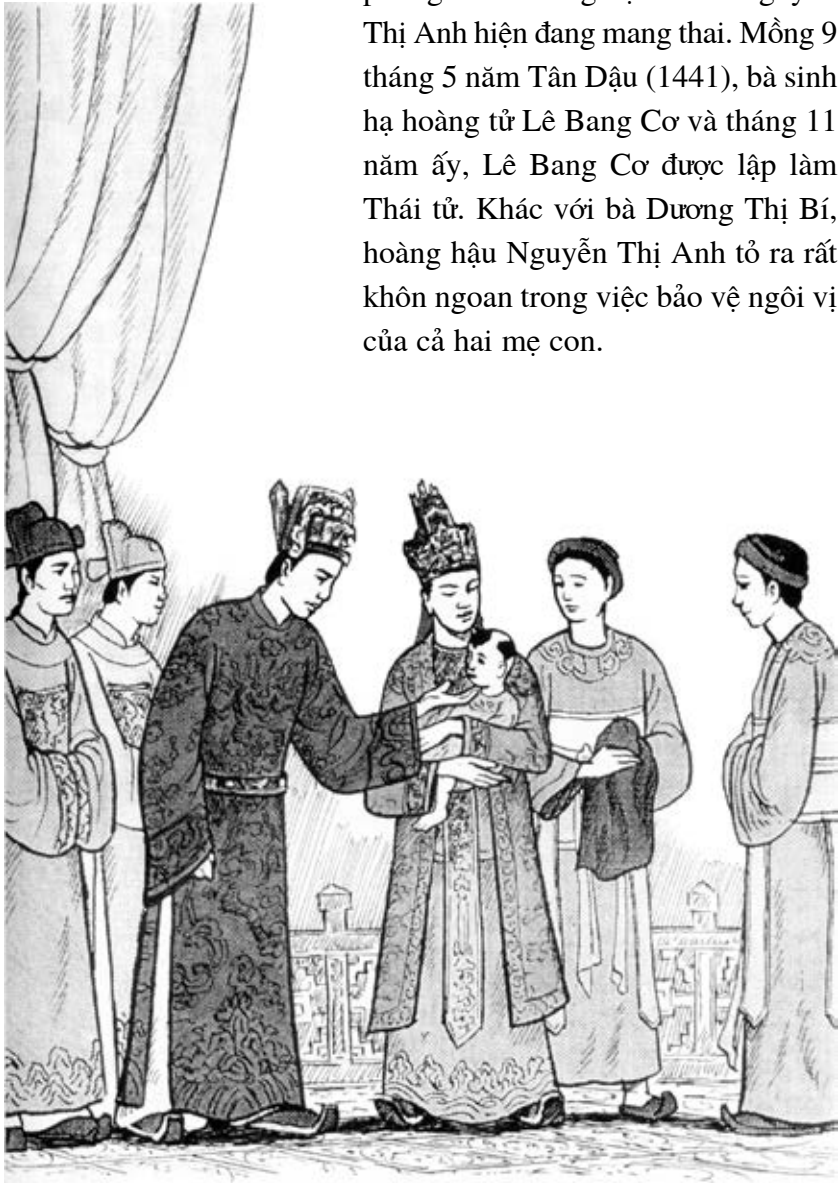
Đó chỉ là một cách giải thích mang màu sắc huyền hoặc. Thực ra cái chết oan khuất của Nguyễn Trãi lại xuất phát từ lòng nhân ái của chính ông và từ những xung đột âm thầm nhưng rất quyết liệt trong chốn hậu cung. Sử cũ cho biết, bấy giờ tuy còn rất trẻ, nhưng vua Lê Thái Tông đã có đến năm bà phi. Đó là các bà Dương Thị Bí, Nguyễn Thị Anh, Ngô Thị Ngọc Dao, Lê Ngọc Dao và Lê Nhật Lệ.



Dương Thị Bí là người đầu tiên được vua Lê Thái Tông sắc phong làm Hoàng hậu. Tháng 10 năm Kỷ Mùi (1439), bà sinh hạ hoàng tử Lê Nghi Dân. Tháng giêng năm Canh Thân (1440), Lê Nghi Dân được lập làm Thái tử. Vì lẽ này, bà Bí đâm ra kiêu căng, ngạo mạn nên tháng 3 năm Tân Dậu (1441), bà bị vua giáng làm thường dân, đồng thời truất ngôi Thái tử của Lê Nghi Dân.



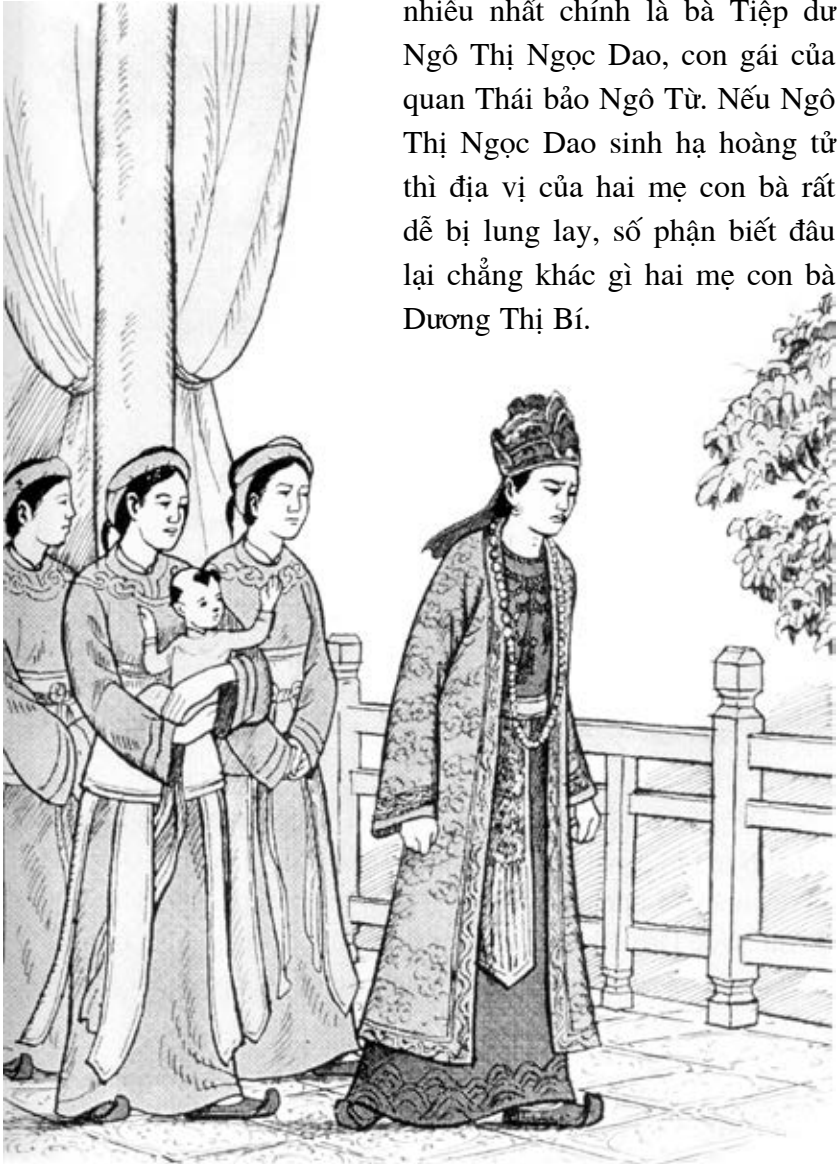
Sau đó, người được nhà vua sắc phong làm Hoàng hậu là bà Nguyễn Thị Anh hiện đang mang thai. Mồng 9 tháng 5 năm Tân Dậu (1441), bà sinh hạ hoàng tử Lê Bang Cơ và tháng 11 năm ấy, Lê Bang Cơ được lập làm Thái tử. Khác với bà Dương Thị Bí, hoàng hậu Nguyễn Thị Anh tỏ ra rất khôn ngoan trong việc bảo vệ ngôi vị của cả hai mẹ con.





Trước đây, Lê Ngọc Dao là con gái của Đại Tư đồ Lê Sát, từng được sắc phong làm Nguyên phi. Còn Lê Nhật Lệ là con gái của Tể tướng Lê Ngân, cũng từng được phong là Huệ phi. Nhưng vào năm 1437, lần lượt Lê Sát và Lê Ngân đều bị giết, Lê Ngọc Dao bị phế làm thường dân, còn Lê Nhật Lệ thì bị giáng xuống hàng Tu dung. Vì thế, bà Nguyễn Thị Anh không còn phải lo lắng về hai bà phi này nữa.

Nhưng, người mà Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh phải lo phiền nhiều nhất chính là bà Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Dao, con gái của quan Thái bảo Ngô Từ. Nếu Ngô Thị Ngọc Dao sinh hạ hoàng tử thì địa vị của hai mẹ con bà rất dễ bị lung lay, số phận biết đâu lại chẳng khác gì hai mẹ con bà Dương Thị Bí.

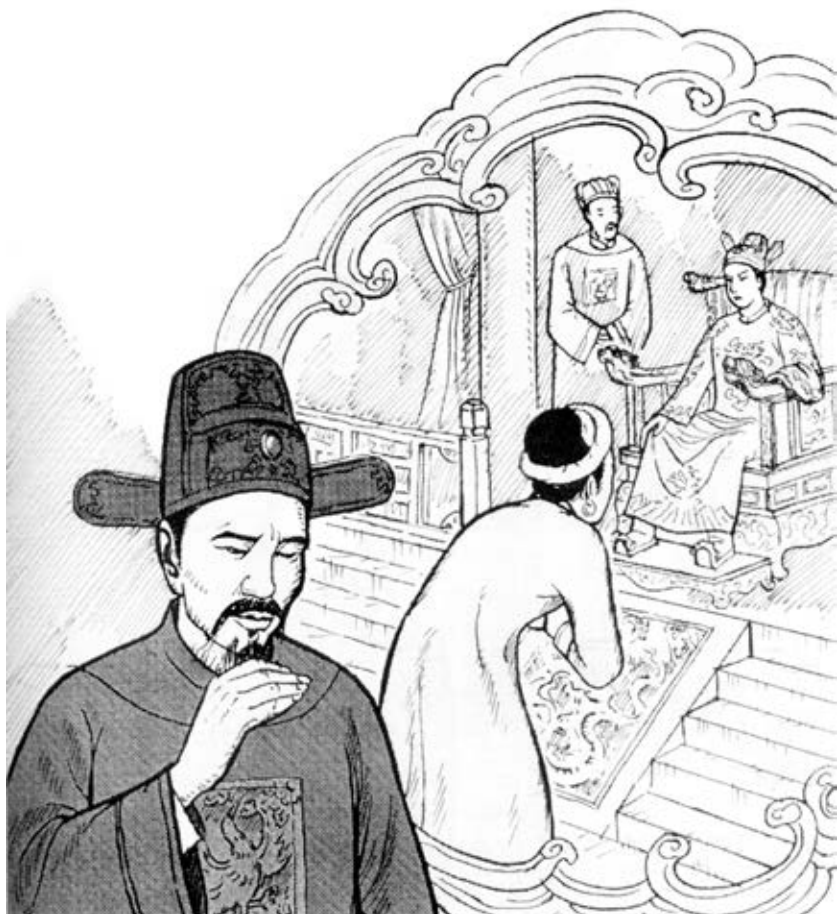




Để bảo vệ địa vị của mình, Nguyễn Thị Anh đã kiếm kế hãm hại Ngô Thị Ngọc Dao. Cuối năm 1437, nhân việc triều đình xét xử vụ án Tể tướng Lê Ngân^(*), Nguyễn Thị Anh đã vu cho Ngô Thị Ngọc Dao tội đồng lõa với Huệ phi Lê Nhật Lệ lập bàn thờ Phật và làm bùa để mong được vua yêu nhiều hơn, hòng đẩy Ngọc Dao vào chỗ chết.

^{*} Xem tập Sáng lập triều Lê.

Biết rõ Ngô Thị Ngọc Dao bị oan nên Nguyễn Trãi tìm mọi cách để cứu bà. Thông qua người vợ trẻ của mình là Lễ nghi Nữ Học sĩ Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn Trãi đã khéo léo nhắc nhở nhà vua không nên làm chuyện thất đức ấy và ngài đã nghe theo, bỏ qua chuyện này.



Ngô Thị Ngọc Dao nhờ đó mà thoát chết. Điều này khiến cho Nguyễn Thị Anh hết sức căm giận, quyết trả thù Nguyễn Trãi cho bằng được mới thôi. Nhưng ông vốn là đại thần uy danh lừng lẫy lại đang được nhà vua trọng dụng, hãm hại chẳng dễ một chút nào. Đúng lúc ấy Ngô Thị Ngọc Dao lại có thai, nỗi căm tức của Nguyễn Thị Anh càng tăng thêm gấp bội.





Hiếu rở bụng dạ của hoàng hậu, muốn tránh hiểm họa cho Ngô Thị Ngọc Dao, cũng thông qua Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn Trãi đã xin vua Lê Thái Tông cho bà tạm lánh ra ở tại chùa Huy Văn trong kinh thành. Và nhờ sự công minh chính trực đó của Nguyễn Trãi, bà Ngô Thị Ngọc Dao đã hạ sinh hoàng tử Lê Tư Thành bình an để sau này lên ngôi tức vua Lê Thánh Tông, một trong những vị vua sáng giá nhất trong lịch sử phong kiến nước ta.

Nhưng đó là chuyện sau này, còn bây giờ, việc làm đó của Nguyễn Trãi đã khiến cho lòng căm ghét của Nguyễn Thị Anh đối với ông và Nguyễn Thị Lộ lên tới cực điểm. Vấn đề còn lại chỉ là chờ cơ hội để trả thù mà thôi. Và tháng 8 năm Nhâm Tuất, cơ hội đó đã đến sau cái chết đột ngột của vua Lê Thái Tông dẫn đến vụ án tru di ba họ thảm khốc nhất trong lịch sử.

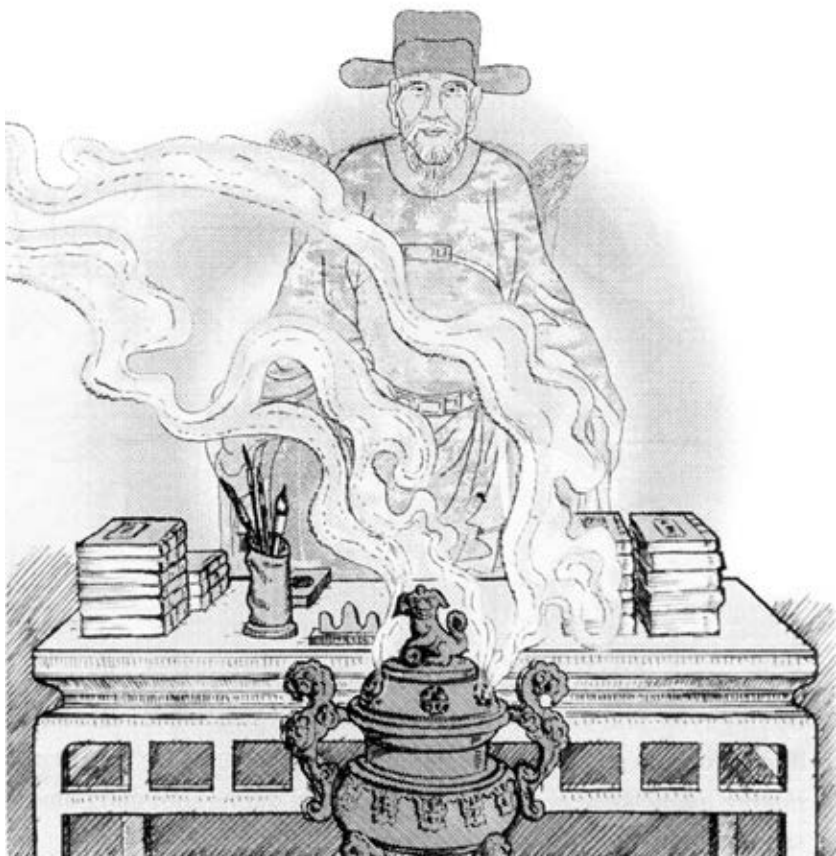




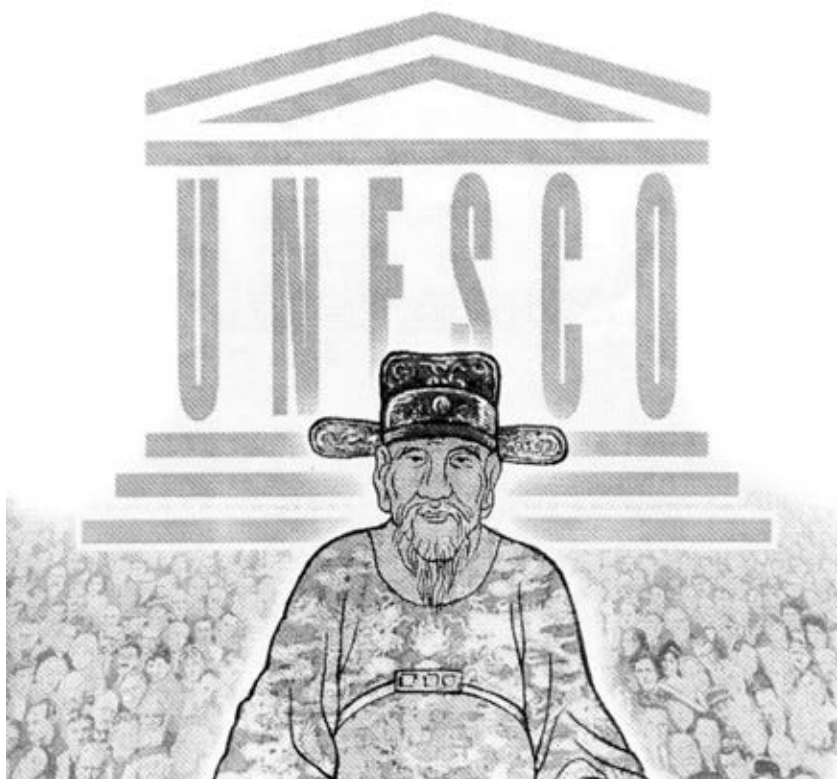
Sau này, chính vua Lê Thánh Tông đã xuống chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi và viết về Nguyễn Trãi bằng những lời rất cảm động, trong đó có câu hậu thế thường hay nhắc đến: “*Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo*”. Nhờ đó mà người đương thời cũng như sau này hiểu được tài năng và công lao to lớn của ông.

Những di cảo của Nguyễn Trãi đã được các bậc danh Nho các đời dày công sưu tầm. Nghiên cứu những di cảo đó, ai ai cũng đánh giá rất cao về tài năng xuất chúng của ông. Ngày nay, tất cả những di cảo đó đều đã được dịch và chú thích một cách công phu trong công trình *Nguyễn Trãi toàn tập*^(*).

* *Sách của nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.*



Và đặc biệt, do đánh giá rất cao cống hiến của Nguyễn Trãi đối với văn hóa nước ta nói riêng và đối với văn hóa thế giới nói chung, năm 1980, nhân kỷ niệm 600 năm sinh của ông, tổ chức của Liên Hiệp Quốc về Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa (UNESCO) đã trân trọng ghi tên Nguyễn Trãi vào hàng những danh nhân của nhân loại.



Ngày nay tại Côn Sơn (Chí Linh, Hải Dương), có khu lưu niệm Nguyễn Trãi. Trên khắp đất nước ta, gần như đâu đâu cũng có trường học, đường phố hoặc tụ điểm sinh hoạt văn hóa mang tên Nguyễn Trãi. Tên tuổi và sự nghiệp Nguyễn Trãi mãi mãi tỏa sáng trong sử sách, trong lòng ngưỡng mộ của nhân dân ta và cả nhân dân thế giới.



NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN TRÃI

Lam Sơn Thực Lục	Quân Trung Từ Mệnh Tập
Bình Ngô Đại Cáo	Ức Trai Thi Tập (phần quốc âm)
Phú Núi Chí Linh	Ức Trai Thi Tập (phần chữ hán)
Chuyện cũ về	Một số Chiếu biểu
Băng Hồ Tiên Sinh	viết dưới Triều Lê
Văn Bia Vĩnh Lăng	Dư Địa Chí

NIÊN BIỂU NGUYỄN TRÃI

1380	Nguyễn Trãi sinh ở Kinh đô Thăng Long.
1385 - 1390	Ở với ông ngoại Trần Nguyên Đán ở Côn Sơn.
1390 - 1400	Sống, học tập với cha ở Nhị Khê.
1400	Thi đỗ Thái học sinh.
1400 - 1406	Làm quan với nhà Hồ, giữ chức Ngự sử đài Chánh chương.
1407	Nhà Hồ mất. Giặc Minh xâm lược nước ta.
1407 - 1417	Sống trong cảnh vây hãm của giặc Minh.
1418	Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn.
1420	Nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng ở Ngọc Lặc. Lê Lợi đóng quân ở Lỗi Giang (Thanh Hóa). Nguyễn Trãi dâng Bình Ngô sách cho Lê Lợi.
1427	Cuộc kháng chiến chống Minh toàn thắng.
1428	Lê Lợi lên ngôi hoàng đế. Nguyễn Trãi viết Bình Ngô Đại Cáo.
1431	Nguyễn Trãi viết Lam Sơn Thực Lục.
1440	Nguyễn Trãi xin về Côn Sơn.
1442	Vụ án "Lê Chi Viên". Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.





CÁC ĐỊA DANH LIÊN QUAN ĐẾN NGUYỄN TRÃI



Địa danh

Sông ngòi hiện nay

Quốc lộ thời hiện đại



Địa giới tỉnh ngày nay

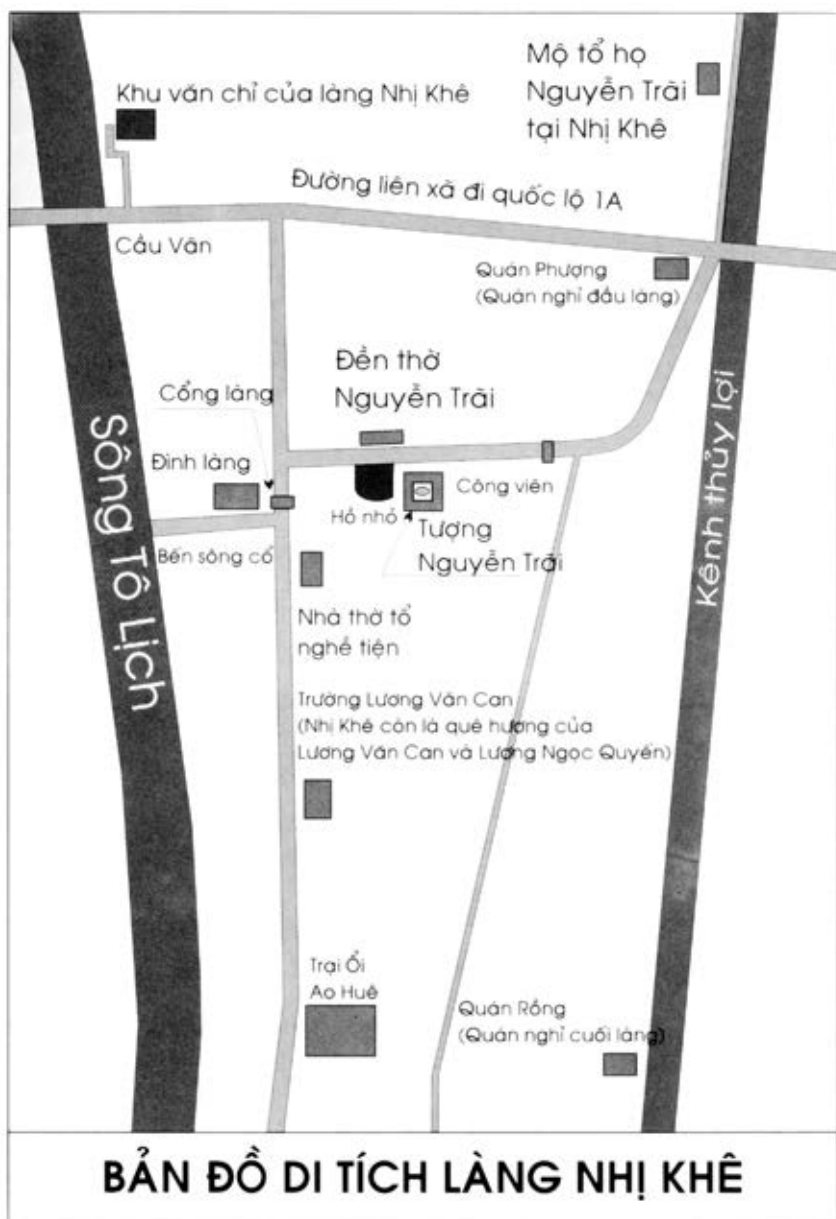
Sân bay



Ảnh trên: Mộ Nguyễn Phi Khanh, thân phụ Nguyễn Trãi, do em trai Nguyễn Trãi là Phi Hùng mang về nước, táng tại núi Báo Đức (nay ở xã Hoàng Hoa Thám, Chí Linh, Hải Dương). Ảnh: Vũ Đức Khánh

Ảnh dưới: Đền thờ Nguyễn Phi Khanh tại xã Chí Ngãi, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ảnh: Đức Hòa







Ảnh trên: Khu mộ tổ dòng họ Nguyễn Trãi tại làng Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội mới được tôn tạo năm 2002.

Ảnh dưới: Tượng Nguyễn Trãi được đặt trong công viên trước đền thờ ông ở làng Nhị Khê.

Ảnh: Đức Hòa



Ảnh trên: Đền thờ Nguyễn Trãi giữa làng Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội.

Ảnh dưới: Bàn thờ trong đền thờ Nguyễn Trãi.

Ảnh: Đức Hòa





Ảnh 1: Toàn cảnh thôn Đại Lai, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Nơi đây tương truyền là Lê Chi viên. Bên dưới mũi tên là lùm cây, nơi dân làng xây bệ thờ, được coi là nền hành cung xưa.

Ảnh 2: Bệ thờ có chữ Lê Chi viên.

Ảnh 3: Cổng vào đền thờ Nguyễn Trãi trên nền nhà dạy học xưa của ông ở thôn Khuyến Lương, xã Trần Phú (xưa là xã Cổ Mai), huyện Thanh Trì, Hà Nội (tên thôn do chính ông đặt). Sau khi bị tru di, Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ được đem về chôn ở đây. Đền do vua Lê Thánh Tông cho xây sau khi minh oan cho ông.



2



1

Ảnh 4: Di tích phần hậu cung của đền thờ bà Nguyễn Thị Lộ tại thôn Khuyến Lương. Phần còn lại của ngôi đền này đã bị quân Pháp phá năm 1953.

Ảnh 1, 2, 3, 4: Đức Hòa



3

4



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu Trung Quốc:
 - *Minh sử.*
 - *Lịch sử Trung Quốc năm ngàn năm.*
- Tài liệu Việt Nam:
 - *Đại Việt sử ký toàn thư.*
 - *Đại Nam nhất thống chí.*
 - *Việt Nam sử lược.*
 - *Đại Việt thông sử.*
 - *Việt sử thông giám cương mục.*

PHỤ LỤC

DI TÍCH CÔN SƠN



NGUYỄN HUỆ CHI

Côn Sơn xưa thuộc xã Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang; nay là xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Đây là một trong 5 ngọn núi của dãy núi Ngũ Nhạc, tương truyền là dãy núi thiêng, xưa mỗi ngọn có một miếu thờ thần linh nên thường được gọi là Ngũ Nhạc Linh Từ. Phía Bắc núi Ngũ Nhạc có đền Hóa (còn gọi là đền Thánh Hóa) thờ tướng quân Phi Bồng, người có công giúp Trần Hưng Đạo đánh giặc. Phía Nam là núi Phượng Hoàng, nơi có đền thờ Chu Văn An, người thầy đã dám dâng Thất trảm sớ đòi chém đầu bảy tên gian nịnh. Phía Đông là đền Sinh (còn gọi là đền Mẫu Sinh) thờ Mẫu và thờ Thánh. Phía Tây chính là ngọn Côn Sơn, một di tích lịch sử văn hóa và cũng là một danh thắng nổi tiếng của đất nước, gắn với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân, trong đó có Nguyễn Trãi.

Côn Sơn còn có tên là núi Kỳ Lân (dựa theo hình thể giống con Kỳ Lân) và núi Hun. Tương truyền đây là nơi dân chúng chuyên hun gỗ làm than và cũng là nơi Đinh Bộ Lĩnh đã dùng kế hỏa công để bắt sống sứ quân Phạm Phòng Át trong sự nghiệp dẹp loạn 12 sứ quân. Dưới chân núi có chùa Hun (hay chùa Côn Sơn). Thiền sư Huyền Quang (1254-1334), vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm, một thiền phái mang màu sắc dân tộc Việt Nam, đã về tu ở đây. Huyền Quang cho lập đài Cửu Phẩm Liên Hoa, biên tập kinh sách và làm giảng chủ thuyết pháp để phát triển đạo phái. Ngày 22 tháng giêng năm Giáp Tuất (1334), thiền sư viên tịch tại Côn Sơn. Vua Trần Minh Tông cho xây tháp tổ sau chùa, đặc phong tự tháp “Huyền Quang tôn giả”. Hàng năm, vào các ngày từ 16 đến 22 tháng giêng, các tăng ni Phật tử và nhân dân thập phương về đây thắp hương tưởng niệm rất đông. Ngày ấy trở thành ngày hội chùa Côn Sơn, cũng vì thế, chùa Côn Sơn là một trong những chốn tổ của đạo Phật Việt Nam.

Côn Sơn còn gắn với Trần Nguyên Đán (1325-1390), quan Đại tư đồ cuối triều Trần và cũng là một nhà thơ, nhà lịch pháp có tiếng. Năm 1385, ông đã về ở Côn Sơn và cho dựng động Thanh Hư (với

ý nghĩa thanh trong, thoát tục) để làm chốn nghỉ ngơi. Đích thân vua Trần Duệ Tông đã đề tặng ba chữ: Thanh Hư Động. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã ca ngợi vẻ đẹp của Côn Sơn: “Trên núi có động Thanh Hư, dưới núi có cầu Thấu Ngọc, cây và đá xanh um, thật là cảnh đẹp ở nhân gian”. Phía tây sân tiền đường chùa Côn Sơn có cây đại cổ thụ tương truyền do Trần Nguyên Đán trồng khi ông mới cáo quan về, đến nay cây đã ngót 600 tuổi. Cũng tương truyền, trong thời gian Trần Nguyên Đán ở Côn Sơn, ông đã tìm hiểu chất đất, thấy hợp với hai loại cây là thông và giẻ (tức cây thanh hao). Sau đó ông đã cùng trai tráng trong vùng lên núi trồng thông còn vợ ông cùng phụ nữ vào rừng tìm giống cây giẻ đem trồng dưới chân núi. Do hợp đất, hợp khí hậu, chẳng mấy chốc thông đã mọc thành rừng trên núi, còn dưới chân núi là những bãi giẻ lan rộng xanh um cả một vùng vừa đem lại lợi ích kinh tế cho người dân nơi đây, vừa tạo nên cảnh quan đẹp cho khu di tích. Câu: “*Ông trồng thông, Bà trồng giẻ*” cũng được lưu truyền trong dân gian đến tận ngày nay.



Dãy núi Côn Sơn với đỉnh Bàn Cờ Tiên (chỗ có dấu x) nhìn từ hồ Côn Sơn.

Ảnh: Đức Hòa.



Ảnh trên: Đường vào chùa Côn Sơn.

Ảnh dưới: Cây đại cổ thụ trước chùa Côn Sơn tương truyền do Đại sư đồ Trần Nguyên Đán trồng.

Ảnh: Đức Hòa



Khi về sống ở Côn Sơn, Trần Nguyên Đán còn đem theo người cháu ngoại là Nguyễn Trãi, lúc đó mới lên 5 tuổi. Nỗi niềm yêu nước thương dân của ông ngoại cùng cuộc sống gần gũi dân chúng giữa cảnh non xanh nước biếc đã ăn sâu vào tâm hồn trẻ thơ của người cháu để hun đúc nên một Nguyễn Trãi với hồn thơ bao la, với tư tưởng nhân nghĩa vượt lên trên thời đại, với ý thức chính trị và quân sự biết dựa vào dân và vì dân. Sau này, dù là mưu sĩ số một của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn trong những năm tháng gian khổ chống giặc Minh hay là quan đại thần đảm trách nhiều việc lớn của đất nước, Nguyễn Trãi không bao giờ nguôi nỗi nhớ về Côn Sơn. Nhất là những năm cuối đời, trước khi bị án tru di đầy oan khuất, Nguyễn Trãi đã về sống ở Côn Sơn. Có lẽ đó là niềm hạnh phúc, niềm an ủi lớn nhất mà cuộc đời đã ban cho ông. Ông đã dựng nhà ở, sửa sang



Ảnh trái: Nhà bia của bia Thanh Hư động.

Ảnh phải: Bia Thanh Hư động.

Ảnh: Đức Hòa



*Tượng thờ Trần Nguyên Đán
(ông ngoại Nguyễn Trãi)
trong chùa Côn Sơn.*

Ảnh: Đức Hòa



động Thanh Hư của ông ngoại để lại và mở rộng quy mô chùa Côn Sơn. Ở đây, ngày ngày vui với cảnh non xanh nước biếc, ông có thể tạm thời quên đi những đổ kỵ, nhỏ nhen cùng những bon chen, xu nịnh trong chốn quan trường. Với tâm hồn của một thi nhân, cảnh đẹp Côn Sơn đã tuôn trào theo ngòi bút của ông:

Côn Sơn có suối, nước chảy rì rầm, ta lấy làm đàn cầm.

Côn Sơn có đá, mưa xối rêu xanh đậm, ta lấy làm chiếu thảm

*Trong núi có thông, muôn dặm rờn rờn biếc một vùng, ta tha hồ
ngủ ngơi*

*Trong rừng có trúc, ngàn mầu in biếc lục, ta tha hồ ngâm nga
bên gốc...*

(Côn Sơn ca)

Nhưng dù đã tránh đi như vậy, nhưng cái ác vẫn không buông tha ông, đã cướp đi cuộc sống của con người trung nghĩa đầy tài năng cùng gia đình và ba họ của ông vào ngày cái ngày bi thảm: 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất!

Ngày nay, để tưởng nhớ công lao của Nguyễn Trãi, ngày mất của ông đã trở thành ngày hội của nhân dân ta. Mỗi năm, từ 15 đến 20 tháng tám âm lịch, dân khắp nơi trong nước đã đến Côn Sơn dâng hương cầu Phật và tưởng niệm người anh hùng, danh nhân văn hóa, vì sao Khuê của dân tộc và cả thế giới. Côn Sơn, danh thắng của muôn đời cũng đã được nhà nước ta công nhận là di tích lịch sử và văn hóa của quốc gia.

Chùa Côn Sơn được khởi dựng vào năm 1304, theo sử cũ đó là ngôi chùa nguy nga long lộng, có đài Cửu Phẩm Liên Hoa với 83 gian lợp ngói men màu trông xa long lanh như ngọc bích, cùng 385 pho tượng cổ. Trải qua hao nhiều thời gian, nhiều kiến trúc xưa đã không còn. Chùa còn lại bây giờ đã được trùng tu tôn tạo qua nhiều thế kỷ cho đến gần đây. Lối vào tam quan chùa được lát gạch, hai bên là những hàng thông cổ thụ làm tăng thêm vẻ cổ kính. Tam quan tuy mới tôn tạo từ năm 1995 nhưng vẫn giữ được kiểu cách và các họa tiết cách điệu của nghệ thuật kiến trúc thời Lê. Sân chùa có 4 nhà bia, trong đó tấm bia có chữ Thanh Hư Động với nét chữ của vua Trần Duệ Tông vẫn còn nguyên vẹn. Chùa kiến trúc theo kiểu chữ công, thượng điện là nơi thờ Phật, trong đó có những tượng Phật được tạo dựng từ thời Lê, cao tới 3m. Tiếp đến là nhà Tổ, thờ các vị tổ có công tạo dựng chùa, trong đó có tượng ba vị tổ thiền phái Trúc lâm: Điều ngự Trúc Lâm Trần Nhân Tông, Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang.



Ảnh trên: Bia tưởng niệm đặt trên nền nhà xưa của Nguyễn Trãi trong rừng thông Côn Sơn.

Ảnh dưới: Tầng đá to và bằng phẳng (thạch bàn), tương truyền là nơi ngày xưa Nguyễn Trãi thường ngồi ngắm cảnh.

Ảnh: Đức Hòa



Sau chùa có hồ nước với hòn non bộ, có giếng ngọc (mắt Kỳ Lân) nước trong vắt không lúc nào cạn, có tháp đá Đăng Minh bảo tháp dựng vào đầu thế kỷ XVIII và tháp Huyền Quang Tôn giả mới được phục chế đặt trong nhà trưng bày di tích.

Ở đây còn có đường lên Bàn Cờ Tiên với hơn 600 bậc đá lên tới đỉnh núi Côn Sơn (cao hơn 200m). Đó là một khu đất bằng phẳng, hiện nay có dựng một nhà bia theo kiểu vọng lâu. Đứng ở đây có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, thấy đất trời rộng rãi, khoáng đạt, hòa vào nhau một màu xanh biếc, mới cảm nhận được vì sao các danh nhân từ cổ chí kim lại yêu thích nơi này đến thế.

Len lối dưới những tàng cây xanh, róc rách bên những khe đá là con suối nhỏ Côn Sơn. Bên suối có Thạch Bàn, là một tảng đá lớn và bằng phẳng, tương truyền là nơi Nguyễn Trãi thường ngồi nghỉ ngơi, ngắm cảnh. Gần đó là di tích nền nhà của ông, căn nhà nhỏ giản dị, lộng gió ngàn, nơi ông đã sống những ngày cuối cùng...

Côn Sơn quả thực là nơi hội tụ được các giá trị to lớn về nhiều mặt: Lịch sử, tôn giáo, văn hóa và thắng cảnh. Đây là một nơi mà bất cứ ai cũng muốn đến một lần.



Ảnh trên: Cận cảnh đền thờ
Nguyễn Trãi ở Côn Sơn.

Ảnh dưới: Tượng Nguyễn Trãi
bằng đồng đặt trên ban thờ.

Ảnh: Đức Hòa

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 37

NGUYỄN TRÃI

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Nguyễn Khắc Thuần *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VŨ PHUONG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn



Trong thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn, không thể không nhắc đến Nguyễn Trãi. Tham gia nghĩa quân Lam Sơn, ông trở thành mưu sĩ, đất nước thanh bình, ông trở thành công thần. Tuy nhiên, năm 1442, ông cùng toàn gia bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi viên. Mãi 1464, vua Lê Thánh Tông mới xuống chiếu giải oan cho ông.



Đền thờ Nguyễn Trãi, Côn Sơn, huyện Chí Linh, Hải Dương